

Tờ trình phê duyệt HSYC gói thầu số Tờ trình phê duyệt HSYC gói thầu số
85/CHCT/XMCP/ĐT/2026, Cung cấp vật tư thiết bị cơ điện cho hạng mục
HM142EP01, 150LQ01, 141KL01

Đơn vị trình ký: Bộ phận mua hàng - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả

Danh sách ký duyệt

STT	Người ký	Đơn vị	Thời gian ký	Ý kiến
1	NGUYỄN THÁI HÙNG	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả	29/04/2026 18:24:38	
2	HOÀNG QUANG THOA	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả	28/04/2026 10:56:19	
3	ĐINH THỊ NHUNG	Kế toán trưởng - Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả	26/04/2026 07:29:32	
4	NGUYỄN VĂN BÌNH	Chánh văn phòng - Văn phòng - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả	23/04/2026 08:27:35	
5	ĐẶNG XUÂN HÙNG	Trưởng phòng - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả	22/04/2026 16:21:40	
6	NGUYỄN VĂN THUY	Trưởng phòng - Phòng Kỹ thuật công nghệ - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả	22/04/2026 13:57:51	
7	NGUYỄN THỊ	Nhân viên kế hoạch tổng hợp -	22/04/2026 11:29:42	

	NHUNG	Bộ phận Kế hoạch tổng hợp - Văn phòng - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả		
8	VŨ NGỌC QUANG	Kỹ sư chính - Nhóm hỗ trợ kỹ thuật - Phân xưởng Cơ điện - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả	22/04/2026 11:08:32	
9	LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	Nhân viên - Nhân viên - Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả	21/04/2026 14:10:48	
10	NGUYỄN QUANG HƯNG	Nhân viên Đầu tư mua sắm - Bộ phận mua hàng - Phòng Đầu tư và Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi Măng Cẩm Phả	21/04/2026 14:07:44	

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói thầu: Cung cấp vật tư thiết bị cơ điện cho hạng mục HM142EP01, 150LQ01, 141KL01.

Gói thầu số: 85/CHCT/XMCP/ĐT/2026.

Phát hành ngày: _____

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hưng

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, áp dụng Quy chế mua sắm thường xuyên (QC MSTX) của Bên mời thầu (*Nhà thầu quan tâm có thể nhận bản copy QC MSTX để nghiên cứu đề xuất*) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư thiết bị cơ điện cho hạng mục HM142EP01, 150LQ01, 141KL01.

- Số lượng và số hiệu các hạng mục thuộc gói thầu như sau: tổ chức thành 01 gói thầu, không phân chia gói thầu thành nhiều phần.

2. Nguồn vốn: Chi phí SXKD của đơn vị.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 160 ngày. Trong đó: Tổng tiến độ cung cấp hàng hóa là 145 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng (Mục 1,2,3: trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng; Mục 4: 145 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng), cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao).

Mục 2. Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu

Chế tài xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 72 QC MSTX.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước mà Nhà thầu hoạt động cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế này;

- Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Hồ sơ yêu cầu (HSYC)

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất: trước ngày có thời điểm đóng thầu 03 ngày làm việc. Việc làm rõ HSYC được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSYC;

- Nội dung làm rõ HSYC không được trái với nội dung của HSYC đã

duyet. Trường hợp sau khi làm rõ HSYC dẫn đến sửa đổi cơ bản HSYC thì việc sửa đổi HSYC thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC sau khi phát hành, Bên mời thầu phải gửi những nội dung sửa đổi HSYC đến các Nhà thầu đã mua hoặc nhận HSYC không muộn hơn: tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời thầu sẽ gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi Hồ sơ đề xuất (HSDX), Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSYC.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng/dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng/đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu (nếu ủy quyền);
3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu (nếu liên danh);
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04a Chương III – Biểu mẫu;
5. Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 5 Chương III – Biểu mẫu;
6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng/đơn dự thầu, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
7. Các nội dung khác: tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm, báo cáo tài chính, giấy phép đăng ký kinh doanh....

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương

này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là: **tối thiểu 60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm

đóng thầu theo hình thức: thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu liên danh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **9.000.000 VND** (Bằng chữ: Chín triệu đồng chẵn./.).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **tối thiểu 90 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Trong trường hợp gia hạn thời gian hiệu lực của HSDX sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSDX đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDX sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả và giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

5. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSYC. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

6. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSYC nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX.

7. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

- a. Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;
- b. Nhà thầu vi phạm nội dung tại QC MSTX;
- c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 70 của QC MSTX;
- d. Nhà thầu không đến thương thảo theo yêu cầu bên mời thầu (*trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Bên mời thầu chấp nhận*); không tiến hành hoặc từ chối thực hiện hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 10. Quy cách HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng/đơn dự thầu.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm

đóng thầu là 10 giờ 00' ngày.....tháng.....năm 2026.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm đóng thầu thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc 10 giờ 30' , ngày____tháng ____năm 2026 tại địa điểm Bên mời thầu trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng/đơn dự thầu, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu

lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu trong vòng 03 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ và phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDX phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX.

Mục 14. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

2. Nhà thầu được xếp hạng nhất được mời đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp nhà thầu được mời đến thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng thì nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

3. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a. Báo cáo đánh giá HSDX.
- b. HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu.
- c. HSYC và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSYC.

4. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a. Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với thiết kế, yêu cầu của gói thầu thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào.

b. Việc thương thảo đối với phần sai lệch thiếu hoặc phần khối lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế, yêu cầu của gói thầu: trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì xem xét việc áp đơn giá thấp nhất của các nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật hoặc đơn giá thỏa thuận nhưng bảo đảm thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong giá gói thầu, trường hợp gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói thì tổng giá dự thầu sau khi thực hiện thương thảo tại Điểm này phải đảm bảo không vượt giá gói thầu.

5. Nội dung thương thảo hợp đồng

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong thực hiện hợp đồng.

b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nếu trong HSYC có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế.

c. Thương thảo về nhân sự:

Trường hợp có lý do chính đáng thì nhà thầu có thể thay đổi nhân sự thực hiện gói thầu nhưng phải đảm bảo nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

d. Thương thảo các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu.

e. Thương thảo về giảm giá (nếu có).

f. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

7. Trường hợp thương thảo không thành công (không phải do việc thương thảo về giảm giá quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều này), bên mời thầu xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì bên mời thầu xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 của QC MSTX.

Mục 15. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 16. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào

hàng/dự thầu theo đường bưu điện, fax, email và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Viettel.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 17. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Bên mời thầu phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 18. Thay đổi khối lượng

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSYC và HSDX.

Mục 19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Là việc Nhà thầu thực hiện biện pháp Bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Giá trị và nội dung của bảo đảm này theo quy định tại Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSYC này.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc bằng thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 20. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia đấu thầu rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 71 QC MSTX.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu: Ông Đặng Xuân Hùng – Trưởng phòng Đầu tư & Quản lý tài sản; SĐT: 0967 910 666;

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Thái Hưng – Tổng Giám đốc; SĐT: 0983.000.125;

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc:

Đầu mối: Tổ trưởng tổ chuyên gia - Phòng Đầu tư & Quản lý tài sản - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Km6, QL18A, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Quang Hưng – hungnq30@viettel.com.vn. Điện thoại: 0965948855.

Mục 21. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của QC MSTX, quy định của pháp luật đấu thầu liên quan, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Ông Nguyễn Văn Bình – Chánh Văn phòng – Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả. SĐT: 0965.136.188.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là hợp lệ)	Hợp lệ/ Không hợp lệ
1	Bản gốc HSDX	01 bản gốc	
2	Đơn chào hàng	Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.	
		Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 160 ngày. Trong đó: Tổng tiến độ cung cấp hàng hóa là 145 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng (Mục 1,2,3: trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng; Mục 4: 145 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng), cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao)	
		Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào hàng khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.	
3	Hiệu lực của HSDX	Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu	
4	Bảo đảm dự thầu	Nhà thầu mở bảo đảm dự thầu đáp ứng được yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh)	
6	Thỏa thuận liên danh	Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu.	
7	Tư cách hợp lệ	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.	

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu có HSDX được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật khi được đánh

giá là “đạt” đầy đủ các nội dung sau đây:

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	- Số năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính.	Thành lập trước năm 2025, được thể hiện trong GPĐKKD. <i>(Trong trường hợp liên danh, ít nhất một thành viên của liên danh phải đáp ứng yêu cầu này).</i>
1.2	- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá/dịch vụ tương tự.	1. Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 03 năm trở lại đây (tính từ thời điểm nhà thầu hoàn thành Hợp đồng đến thời điểm đóng thầu – căn cứ theo Biên bản thanh lý Hợp đồng hoặc hồ sơ nghiệm thu hoặc Hoá đơn bán hàng của Hợp đồng tương tự): i, Nội dung Hợp đồng tương tự: Hợp đồng có nội dung về cung cấp vật tư, thiết bị truyền động cơ khí trong công nghiệp. ii, Số lượng và giá trị của Hợp đồng tương tự: Tối thiểu 01 hợp đồng. Giá trị 1 hợp đồng (hợp lệ) $\geq 364.000.000$ đồng. <i>(Nhà thầu cung cấp bản sao hợp đồng và các hóa đơn bán hàng, Biên bản nghiệm thu/Biên bản thanh lý hợp đồng để chứng minh. Khi cần thiết Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu, xác minh).</i>
2	Năng lực tài chính:	
2.1	- Doanh thu	- Doanh thu năm 2025 tối thiểu là: 780.000.000 (VNĐ). <i>(Trong trường hợp liên danh, doanh thu của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu của các thành viên trong liên danh có tài liệu chứng minh năng lực tài chính hợp lệ).</i>
2.2	- Lợi nhuận trước thuế	- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 tối thiểu là 0 VND. <i>(Trong trường hợp liên danh, ít nhất thành viên đứng đầu liên danh phải đáp ứng yêu cầu).</i>
2.3	Tài liệu gửi kèm nhằm đối chứng với các số liệu tài chính mà Nhà thầu kê khai.	Là Bản gốc hoặc bản sao Báo cáo tài chính năm 2025 và phải đáp ứng được một trong những yêu cầu sau: - Có bản kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế. - Đã được kiểm toán. - Có xác nhận nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế. - Có tờ khai tự quyết toán thuế (Thuế GTGT và thuế TNDN) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai. - Có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số thuế nộp cả năm) về thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. - Trường hợp nộp thuế qua mạng, yêu cầu in, đóng dấu xác nhận và nộp: Thông báo xác nhận đã nộp hồ sơ khai thuế của cơ quan thuế và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản thuyết minh liên quan đến báo cáo tài chính năm 2025.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (Tiêu chí Đạt/không đạt)

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí nêu dưới đây đều được đánh giá là “đạt”. HSDX của nhà thầu được đánh giá là “đạt” thì sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá về giá.

TT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt	Không đạt
1	Yêu cầu về tiến độ, địa điểm cung cấp	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Tiến độ, địa điểm cung cấp đáp ứng được các yêu cầu nêu tại Mục 2, chương IV của HSYC.	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Tiến độ, địa điểm cung cấp không đáp ứng được các yêu cầu nêu tại Mục 2, chương IV của HSYC.
2	Yêu cầu kỹ thuật	- Nội dung nêu, kê khai, đề xuất trong HSDX về Yêu cầu kỹ thuật đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu tại Mục 3, chương IV của HSYC	- Nội dung nêu, kê khai, đề xuất trong HSDX về Yêu cầu kỹ thuật không đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu tại Mục 3, chương IV của HSYC
3	Yêu cầu về bảo hành	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Điều kiện bảo hành đáp ứng được các Yêu cầu nêu tại Mục 4, chương IV của HSYC.	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Điều kiện bảo hành không đáp ứng được các Yêu cầu nêu tại Mục 4, chương IV của HSYC.
4	Điều kiện thanh toán	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Điều kiện thanh toán: Đồng ý với Điều kiện thanh toán nêu tại Mục 6, chương IV của HSYC (Hoặc đề xuất Phương án thanh toán có lợi hơn cho Chủ đầu tư/bên mời thầu).	- Nội dung nêu, kê khai/đề xuất trong HSDX về Điều kiện thanh toán: Không đồng ý với Điều kiện thanh toán nêu tại Mục 6, chương IV của HSYC (Hoặc đề xuất Phương án thanh toán khác bất lợi hơn cho Chủ đầu tư/bên mời thầu).

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá (Phương pháp giá thấp nhất).

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định về sửa lỗi ghi dưới đây);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định về hiệu chỉnh sai lệch ghi dưới đây);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. So sánh giữa các HSDX để xác định giá thấp nhất (*HSDX có giá dự thầu/giá chào hàng sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất*).

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

1. Sửa lỗi: là việc sửa lại những sai sót trong HSDX bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ,

nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số lượng trong bảng phân tích đơn giá dự thầu/chào hàng chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC.

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc về đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong HSYC thì HSDX/HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

c) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

d) Trường hợp nhà thầu có HSDX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX đó sẽ bị loại.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG/ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng/đơn dự thầu*]

Tên gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng/đự thầu*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu; không trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu mua sắm theo Quy chế mua sắm thường xuyên của Quý Công ty;
5. Đã đăng ký trên Mạng đấu thầu quốc gia và mạng đấu thầu Viettel.

Nếu hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng/đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng/đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng/đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng/đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng/đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với bên mời thầu nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật

của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ Quy chế mua sắm thường xuyên của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả;

Căn cứ hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu]
phát hành ngày _____ [ghi ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

- [- Ký đơn chào hàng/đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo thông báo của bên mời

thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỪNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng:____[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh:____[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:____[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:____[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế để thực hiện gói thầu ____[Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế gói thầu này bằng một khoản tiền là ____[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng:____[Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh:____[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:____[Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh:____[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____[Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế để thực hiện gói thầu ____[Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh/đấu thầu rộng rãi/đấu thầu hạn chế gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất/hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu/hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [Ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

1	2	3	4	5	6	7	8
TT	Tên hàng hóa	Quy cách/mã hiệu/Thông số kỹ thuật	Hãng Sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Cột 6x7)
	Tổng cộng giá trị trước thuế						
	Thuế GTGT						
	Tổng cộng giá trị sau thuế						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (5), (6) Nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa/Nội dung công việc quy định tại Chương IV – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (3), (4), (7), (8) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá/dịch vụ theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT⁽¹⁾

1.	Vị trí công việc: [ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
	Tên: [ghi tên nhân sự chủ chốt]
2.	Vị trí công việc: [ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
	Tên: [ghi tên nhân sự chủ chốt]
...	Vị trí công việc
	Tên

Ghi chú:

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt.

(2) Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSYC.

**BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU
PHỤ⁽¹⁾**

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá chào.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có), nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để , hợp pháp và theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp

Nội dung khái quát công việc của gói thầu: Cung cấp vật tư thiết bị cơ điện cho hạng mục 142EP01, 150LQ01, 141KL01.

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu số 5 tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp hàng hóa/dịch vụ được mô tả theo Bảng dưới đây:

Bảng Phạm vi cung cấp

TT	Tên hàng hóa	Quy cách/yêu cầu kỹ thuật/Chỉ tiêu kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng mời thầu	Ghi chú
1	Động cơ rung AC	- Type: NEG 50300, Netter Vibration (Hoặc tương đương) - Thông số kỹ thuật cơ bản: 0,26KW-3000v/p-400V-0,6A	Cái	3	Tiến độ cung cấp: 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng
2	Bơm dầu cao áp	- Type: YPDI-2.5-2.5A2 D2-L, SHIMADZU (Hoặc tương đương). - Thông số kỹ thuật cơ bản: + 2,43 cm ³ /rev; 210 kgf/cm ² ; max speed 4000 rpm + Tham khảo tài liệu kỹ thuật đính kèm.	Bộ	3	Tiến độ cung cấp: 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng
3	Khớp nối và cao su giảm chấn bơm cao áp	- Khớp nối VNM15, Type: CL110 (Hoặc tương đương). - Thông số kỹ thuật cơ bản: L = 106, D = 84,28, d1 = 12, d2 = 38.	Bộ	3	Tiến độ cung cấp: 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng
4	Xi lanh khí nén	- Type: MBT 80-Y 4357-150, SMC (Hoặc tương đương). - Thông số kỹ thuật cơ bản: + ID: 80 (mm) + OD: 110 (mm) + Stroke: 150 (mm) + Nhiệt độ làm việc ≤150°C + Áp suất làm việc: 1Mpa + Áp suất bảo vệ: 1.5Mpa + Tham khảo tài liệu kỹ thuật đính kèm.	Bộ	16	Tiến độ cung cấp: 145 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng

(Nhà thầu tính toán cả các chi phí để thực hiện gói thầu và phân bổ vào chi phí cung cấp hàng hóa/dịch vụ nêu trên và đưa vào Biểu giá chào theo biểu mẫu quy định tại Chương III – Hồ sơ yêu cầu).

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ, địa điểm cung cấp

- Tiến độ cung cấp:

+ Các mục 1, 2, 3 – Bảng Phạm vi cung cấp: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

+ Mục 4 – Bảng Phạm vi cung cấp: Trong vòng 145 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện Hợp đồng: 160 ngày tiếp theo kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó: Tổng tiến độ cung cấp hàng hóa là 145 ngày, cộng thêm 15

ngày nghiệm thu, bàn giao.

- Địa điểm bàn giao hàng hóa: Kho vật tư - Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Mục 3. Yêu cầu kỹ thuật

Nhà thầu tham dự có thể tham khảo hàng hóa yêu cầu đang sử dụng tại địa điểm của bên mời thầu hoặc tiến hành khảo sát hiện trường thực tế của bên mời thầu để đảm bảo chào hàng hóa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa chào thầu được đánh giá là đáp ứng về các Yêu cầu kỹ thuật khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

- **Yêu cầu về thông tin của hàng hóa:** Nhà thầu phải đưa đầy đủ thông tin về hàng hóa trong Bảng tổng hợp giá chào (Mẫu số 05, chương III, HSYC). Bảng tổng hợp giá chào phải nêu đầy đủ Quy cách, mã hiệu, hãng sản xuất của các loại hàng hóa Nhà thầu đề xuất cung cấp.

- **Yêu cầu về tính hợp lệ của hàng hóa đề xuất:** Nhà thầu tham khảo Quy cách/yêu cầu kỹ thuật/Chỉ tiêu kỹ thuật và các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa đính kèm cùng HSYC để đề xuất/chào hàng. Hàng hóa nhà thầu đề xuất được tính là hợp lệ khi đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Có quy cách kỹ thuật, chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng (hoặc tương đương) yêu cầu kỹ thuật/chỉ tiêu kỹ thuật nêu tại **Bảng Phạm vi cung cấp**.

+ Nhà thầu phải đưa vào HSDX các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa đề xuất (như catalog/datasheet...). Tài liệu kỹ thuật phải cụ thể, rõ ràng, thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật để đảm bảo chứng minh hàng hóa đề xuất là đáp ứng hoặc tương đương với các Yêu cầu kỹ thuật/chỉ tiêu kỹ thuật đã nêu tại HSYC.

- **Nhà thầu đưa vào HSDX các cam kết sau đây:**

+ Cam kết hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, hàng hóa được đóng gói và bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

+ Cam kết cung cấp chứng nhận nguồn gốc xuất xứ CO (Đối với hàng hóa nhập khẩu) được cấp bởi hãng sản xuất hoặc cấp bởi Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu và là bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam (Nhà thầu trúng thầu cung cấp các tài liệu này khi giao hàng để phục vụ công tác kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa).

+ Cam kết cung cấp chứng chỉ chất lượng CQ do hãng sản xuất cấp (hoặc chứng chỉ khác tương đương) và là bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại Việt Nam (Nhà thầu trúng thầu cung cấp các tài liệu này khi giao hàng để phục vụ công tác kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa).

+ Với các nhà thầu chào hàng hóa tương đương với hàng hóa yêu cầu, Nhà thầu phải đính kèm đầy đủ các tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào để chứng minh hàng hóa đáp ứng Yêu cầu kỹ thuật nêu tại HSYC đồng thời cam kết trong HSDX hàng hóa tương đương mà nhà thầu đề xuất phải đảm bảo tương thích,

đồng bộ về lắp đặt, vận hành với các thiết bị sẵn có của bên mời thầu.

Mục 4. Bảo hành.

- Thời gian bảo hành: Bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

- Nội dung bảo hành: Trong thời gian bảo hành nếu hàng hóa nhà thầu cung cấp có bất kỳ khiếm khuyết nào mà nguyên nhân được xác định là do lỗi của hàng hóa nhà thầu cung cấp thì nhà thầu phải sửa chữa lại hoặc cung cấp hàng hóa mới khác cho bên mua.

- Hình thức bảo hành: Chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá 5% tổng giá trị nghiệm thu, có hiệu lực tối thiểu 13 tháng kể từ ngày mở bảo đảm.

Mục 5. Yêu cầu về phạt vi phạm Hợp đồng và bồi hoàn thiệt hại.

- Nếu Nhà thầu giao hàng không đúng chất lượng đã quy định trong hợp đồng, thì Nhà thầu có trách nhiệm bổ sung hoặc thay thế hàng hoá mới cho phù hợp với hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản kiểm nghiệm, đồng thời Nhà thầu phải chịu mức phạt 01% (một phần trăm) giá trị phần hàng hóa vi phạm quy cách, chất lượng. Nếu Nhà thầu không thay thế bổ sung hàng hóa hoặc phần hàng hóa thay thế bổ sung vẫn tiếp tục không đáp ứng chất lượng đã quy định trong hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng. Mọi trường hợp phạt 8% giá trị hợp đồng, các bên thống nhất hiểu Nhà thầu đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng và bồi thường thiệt hại nếu có.

- Nếu Nhà thầu giao hàng chậm so với tiến độ quy định thì Nhà thầu sẽ phải chịu mức phạt bằng 1% (một phần trăm) giá trị lô hàng giao chậm cho mỗi ngày giao chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 08% (tám phần trăm) giá trị hàng giao chậm.

- Nếu Nhà thầu giao hàng chậm quá 08 (tám) ngày mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên mời thầu, thì Bên mời thầu có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Nhà thầu phải chịu mức phạt là 8% giá trị hợp đồng. Trường hợp này các bên thống nhất hiểu Nhà thầu đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng và bồi thường thiệt hại nếu có.

Mục 6. Điều kiện thanh toán.

Thanh toán 100% giá trị thực hiện bằng chuyển khoản trong vòng 120 ngày kể từ ngày hai Bên ký biên bản kiểm nghiệm (đạt yêu cầu) và Bên mua nhận đầy đủ bộ chứng từ thanh toán gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán.

- Hóa đơn giá trị gia tăng.

- Biên bản bàn giao, Biên bản kiểm nghiệm (Đạt yêu cầu), Phiếu nhập kho

(Theo mẫu của bên mua).

- Chứng thư bảo lãnh bảo hành theo Hợp đồng.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Các chứng từ liên quan khác (nếu có).

Mục 7. Các tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa: Bản vẽ tài liệu kỹ thuật các mục 2, mục 4 – Bảng Phạm vi cung cấp.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Một số nội dung chính trong dự thảo Hợp đồng:

1. Phương thức thanh toán: Theo Quy định tại chương IV, HSYC

2. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 160 ngày. Trong đó: Tổng tiến độ cung cấp hàng hóa là 145 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng (Mục 1,2,3: trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng; Mục 4: 145 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng), cộng thêm 15 ngày nghiệm thu, bàn giao).

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

- Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

+ Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trước hoặc bằng ngày Hợp đồng có hiệu lực.

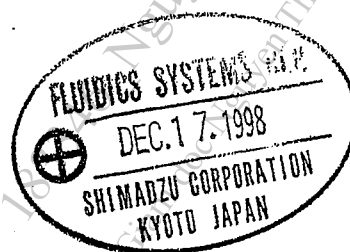
+ Hình thức, giá trị và hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: là thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có giá trị bằng **2%** giá hợp đồng, hiệu lực tối thiểu **190** ngày kể từ ngày mở bảo đảm (Nhà thầu cung cấp mẫu thanh toán bảo đảm thực hiện Hợp đồng được Ngân hàng mở bảo lãnh chấp thuận hoặc Ngân hàng bảo lãnh phát hành). Trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện Hợp đồng 30 ngày mà có 1 phần công việc hoặc toàn bộ nội dung công việc thực hiện mà bên B chưa có thể thực hiện được (chưa hoàn thành nội dung công việc trong HĐ) thì bên B có trách nhiệm gia hạn Bảo đảm thực hiện Hợp đồng đến thời điểm mà bên B hoàn thành toàn bộ nội dung công việc nêu tại Hợp đồng).

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

5. Bảo hành: Tuân thủ theo điều kiện bảo hành tại Chương IV – HSYC.

6. Phạt vi phạm Hợp đồng: Theo Quy định tại chương IV – HSYC.

OPERATION MANUAL
FOR
GEAR TYPE HYDRAULIC PUMP
(YPD1 SERIES)



SHIMADZU CORPORATION

HYDRAULICS DEPARTMENT

25, Saiin-Oiwakecho, Ukyo-ku, Kyoto, Japan

Tel: Kyoto 312-2123

CONTENTS

1. General	1
2. Cautions for mounting and operation	2
2.1 Mounting	2
2.2 Piping and fitting	3
2.3 Hydraulic oil and working temperature	4
2.4 Cautions for hydraulic circuit	5
2.5 Cautions for start	6
3. Trouble shooting	7
3.1 External leakage	7
3.2 Noise and vibration	8
3.3 Discharge volume decrease and discharge pressure non-rising ..	9
3.4 Abnormal rising of temperature of the pump body and hydraulic oil	10
4. Structure	11
4.1 Structural drawing	11
4.2 Description of the structure	13
4.3 Structure features	13
5. Performance	16
6. Model number coding	18

1. General

We appreciate your choice of YPD1 series gear pump.

YPD1 series is tandem pump of the YP series of high pressure gear pump that we have developed according to our long years' actual pump achievement and experience.

In addition to this, there are products of the YP 15 series. This pump can be designed to have the shape of a single pump, a self-tandem pump, as well as that of a tandem pump connected with the conventional SP 25 and 20 series.

As the YP series pump adopts special alloys in the side plate and a three layer metal type bush in the bearings, it has a good resistance to contamination.

As no high pressure is loaded on the gasket on the mating flange surface of the front cover and body, no oil leakage to the outside occurs.

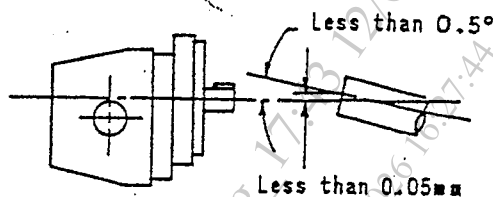
The inlet port of the second pump.

2. Cautions for mounting and operation

2.1 Mounting

As misalignment of the shaft center causes breakdown, vibration and noises of the shaft joint section, take special care of centering on mounting the pump.

As the allowable concentricity value differs with the applied condition, it is impossible to determine it generally, but apply the value in the right schematic drawing as standard.

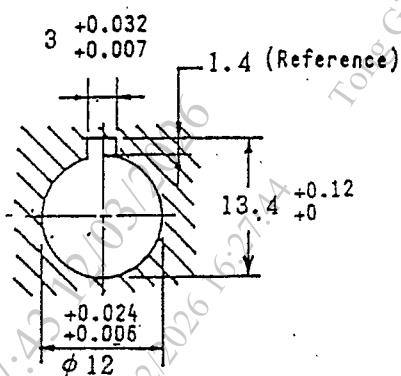


Apply a flexible coupling in principle for connection to the pump shaft. Avoid the connection method that may produce thrust load.

The coupling hole is as the following schematic drawing.

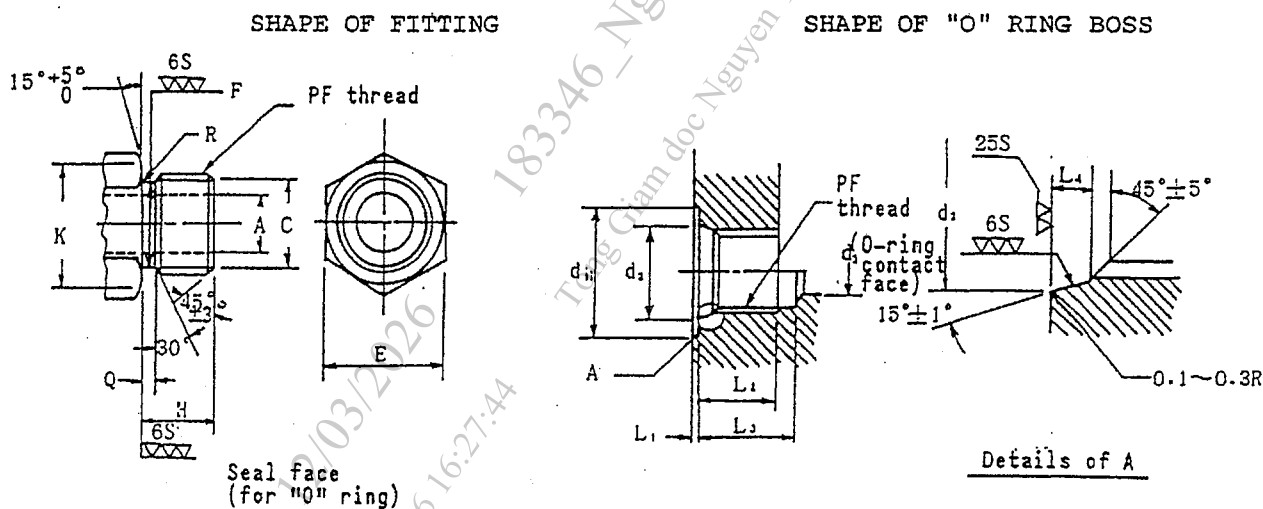
Use M8 bolts for pump mounting and tighten them with a torque of $120 \pm 15 \text{ kgf} \cdot \text{cm}$.

In the case of the shaft end shape (2):



2.2 Piping and fitting

As the standard port comprises a PF thread (straight pipe thread) conforming to JIS B 2351 technical standards, fit an "O" ring into the fitting for usage. When screwing into the taper pipe thread, distortion of the casing may disturb performance or external leakages may occur. Therefore, avoid such applications. The shapes of the boss and fitting are as follows:



Fitting dimensions

Unit : mm

Thread	A	C	E	F	H	K	Q	R	Appropriate O ring No.
PF	±0.1	±0.1	Max.	±0.1	Max.	-0.4	+0.4 0	Max.	
1/8	4.0	8	14	8	10	14	2.0	0.5	P 8
1/4	6.0	11	19	11	12	19	2.5		P 11
3/8	9.0	14	22	14		22			P 14
1/2	11.5	18	27	18	16	27			P 18

Note) The thread PF is Class B straight pipe thread of JIS B0202.

"O" ring boss dimensions

Unit : mm

Dash No.	Thread PF	d1 +1.0 0	d2 +0.1 0	d3 Mini.	L1 Mini.	L2 Mini.	L3 Mini.	L4 +0.4 0	Appropriate O ring No.
-2	1/8	24	11.6	4.0	1	10	15	2.0	P 8
-4	1/4	27	15.6	6.0	1.5	12	18	2.5	P 11
-6	3/8	33	18.6	9.0	2				P 14
-8	1/2	42	22.6	11.5	2.5	16	24		P 18

Note) The thread PF is Class B straight pipe thread of JIS BO202.

2.3 Hydraulic oil and working temperature

2.3.1 Mineral oil

Hydraulic fluid generally applied is hydraulic operating: oil with a high viscosity index containing antiforming agents, antioxidant and antierosion. Apply hydraulic oil with an aniline point of 77 - 116 °C applicable Viscosity range is 4 - 430 cST, but when applying hydraulic oil with a low viscosity at low speed and under high pressure, oil leakage becomes equal to the discharge volume and this may loss the pump heat balance and cause seizure. In this case, please contact our agent.

Applicable hydraulic oil temperature range shall be -20~80°C. When its temperature is more than 80 °C, not only the oil, but also rubbers such as shaft seal and gasket deteriorate more rapidly and it causes oil leakages.

Select the following brands of hydraulic oil or equivalents, taking into consideration applied condition and ambient temperature.

ISO-VG	Kyodo-oil	Idemitsu kosan	Nippon oil	Cosmo oil	Mitsubishi oil	Showa shell oil
32	Hydro S32	Daphne hydraulic fluid 32	Hyrand E32	Cosmo hydro R032	Diamond lub R032	Tellus oil 32
46	Hydro S46	Daphne hydraulic fluid 46	Hydrand E46	Cosmo hydro R046	Diamond lub R046	Tellus oil 46
56	Hydro S56	Daphne hydraulic fluid 56	Hyrand E56	Cosmo hydro R056	Diamond lub R056	Tellus oil 56

2.3.2 Phosphate ester

As phosphate ester has lubricating ability equivalent to the mineral oil, it can be applied to the pump, but as special materials are required for the shaft seal and gasket, a standard pump can not be used as it is. So please contact our agent beforehand. Appropriate viscosity range is the same as mineral oil, but such type oil has generally a low viscosity index and the viscosity change caused by temperature alternation is large, take into consideration to minimize the circuit oil temperature change.

2.3.3 Other fire-resistant hydraulic oil

There are water glycol and W/O type emulsion, but they have problems such as lubricity to be noted. If necessary, be sure to contact our agent.

2.4 Cautions for hydraulic circuit

2.4.1 Filtration

More than 80% of hydraulic gear pump accidents is said to be caused by contaminants. Take special care of keeping the hydraulic circuit clean. In the suction side, a suction strainer of around 150 mesh shall be used.

In the discharge side, it is recommendable to use a line filter of around 10 micron.

However, small foreign matters passing through the strainer and filter may cause problems. Therefore, completely clean the pipes, valves and tanks employed in the circuit before their mounting and at the same time, perform sufficient flushing of the hydraulic systems after completion of the piping.

2.4.2 Suction pressure

When the suction pressure is less than -15 cmHg, an air suction from the shaft seal or cavitation may occur. In the case of the following suction side conditions, take special care of :

- (1) When the pipe of the suction side is long or the pipe diameter is small ;
- (2) When the oil tank head has negative pressure ;
- (3) When the oil temperature is low or the oil viscosity is high at starting in winter ;
- (4) When an operation is performed at high speed ;

When a cavitation occurs, accidents such as pump seizure or discharge volume decrease may occur. Therefore, calibrate the suction pressure near the pump suction port and ensure that there is sufficient suction pressure.

2.5 Cautions for starting

- (1) Re-check the direction of rotation and pipes before starting. When revolving the pump in the reverse direction of the indicated one (the direction of rotation is determined by the model number.), the discharge side and suction side are reversed, the shaft seal is exposed and problems occurs. Take care of this.
- (2) Is flushing of the pipe line complete? In case the new circuit or hydraulic components (half-used) are replaced, circulation of oil in the circuit for more than two hours by using the 10 μ filter expectantly functions to prevent initial problems caused by the foreign matters.
- (3) At the start, fill the suction side pipe with oil and then, start operation by inching.
- (4) Don't start operation immediately at high speed and high pressure. At the start, as the air is contained in the pipe, vent the air in the pipe completely. Perform running-in under low pressure, if possible, under no load, until completing air vent.
- (5) After running-in, full operation starts, gradually imposing load. Before full operation, ensure that there is no abnormality, checking to see if the oil leaks, vibration occurs, shaft center is misaligned, oil temperature alters.

3. Trouble shooting

3.1 External leakage

Causes	Countermeasures
3.1.1 Leakage from the shaft seal	
a) Shaft seal breakdown	a) Replace the shaft seal.
b) Damage of the shaft	b) Replace the pump.
c) Abnormal pressure occurrence of the suction side	c) Re-check the tank inner pressure and head and adjust them so that the pressure is in the range illustrated in the specification.
d) Reverse revolution	d) Rectify the revolution to the normal direction and replace the shaft seal.
3.1.2 Leakage from the mating flange surface	
a) Gasket breakdown	a) Replace the gasket.
b) Bolt looseness or breakdown	b) Rectify causes for breakdown such as abnormal high pressure and vibration. When the bolt is broken, replace it with an appropriate torque. At this time, replace the gasket.

3.2 Noise and vibration

Causes	Countermeasures
3.2.1 Cavitation a) Strainer clogging b) Excessive oil viscosity c) Occurrence of negative pressure due to the length of the suction side pipe	a) Clean the strainer. b) Increase oil temperature or replace oil to decrease viscosity. c) Check the hydraulic circuit and take countermeasures to prevent negative pressure. (See Section 2.4.2.)
3.2.2 Air mixture a) Tank oil shortage b) Air mixture from the suction side pipe c) Shaft seal breakdown	a) Adjust the oil volume to normal. b) Repair the pipe. c) Replace the shaft seal.
3.2.3 Mechanical vibration a) Mounting, centering deficit b) Pipe vibration	a) Check and repair it. b) Check and repair it.

3.3 Discharge volume decrease and discharge pressure non-rising

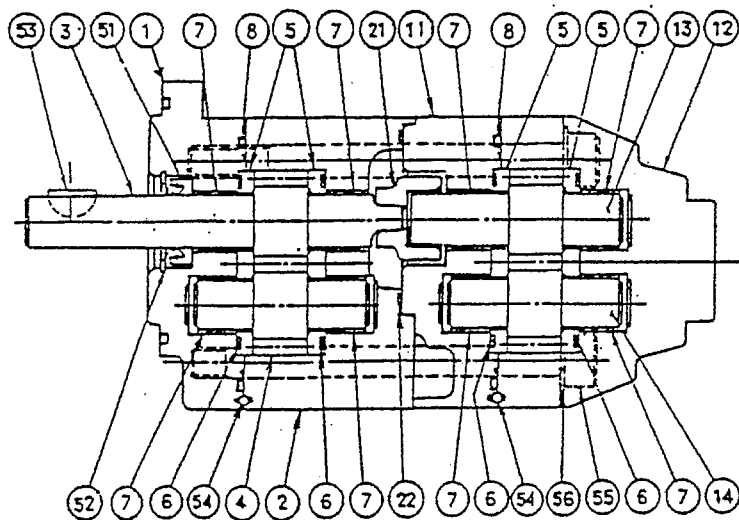
Causes	Countermeasures
3.3.1 Pump problem a) Damage of side plate, gear or body by foreign matter mixture b) Damage of the side plate, gear or body by overload c) Damage of the inner seal gasket by overload d) Breakdown of the inner seal gasket by abnormal rising of oil temperature	a) Clean the circuit, replace the hydraulic oil and thereafter, replace the pump. b) Adjust the relief setting pressure to normal and replace the pump. c) Adjust the relief setting pressure to normal and replace the gasket. d) Rectify causes for abnormal rising of oil temperature and replace the gasket.
3.3.2 Tank oil shortage	Adjust the oil volume to normal.
3.3.3 Leakage increase by overload, hydraulic oil inappropriate viscosity	Rectify causes.

3.4 Abnormal rising of temperature of the pump body and hydraulic oil

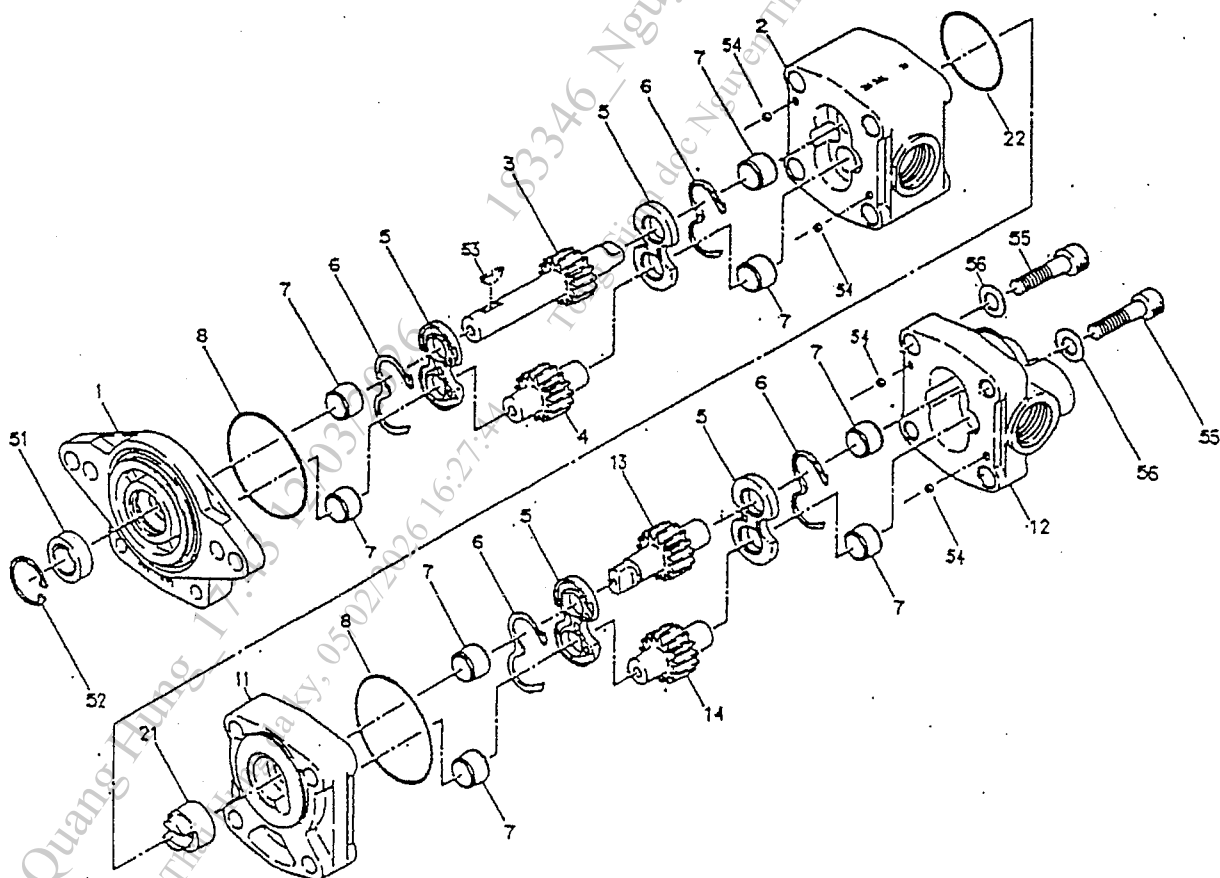
Causes	Countermeasures
3.4.1 Causes on the circuit	
a) Over heating occurrence from the relief valve and throttling valve	a) Re-check the circuit and rectify the causes.
b) Hydraulic oil inappropriate viscosity	b) Rectify the causes.
c) Overload	c) Adjust the relief setting pressure to normal.
d) Tank oil shortage	d) Increase the tank capacity.
3.4.2 Pump problems	Replace the pump.

4. Structure

4.1 Structure drawing



No.	Name	Material	Qty.
1	Front cover	Aluminium alloy	1
2	Body	Aluminium alloy	1
3	Drive gear	Alloy steel	1
4	Driven gear	Alloy steel	1
5	Side plate	Copper alloy	4
6	Gasket	Nitrile rubber	4
7	Dry bearing		8
8	O-ring S50	Nitrile rubber	2
11	Front cover	Aluminium alloy	1
12	Body	Aluminium alloy	1
13	Drive gear	Alloy steel	1
14	Driven gear	Alloy steel	1
21	Coupling	Alloy steel	1
22	O-ring S39	Nitrile rubber	1
51	Shaft seal	Nitrile rubber	1
52	Retainer ring	Carbon steel	1
53	Woodruff key	Carbon steel	1
54	Steel ball 3/16	Alloy steel	4
55	Hexagon socket head cap screw	Alloy steel	4
56	Washer	Carbon steel	4



4.2 Description of the structure

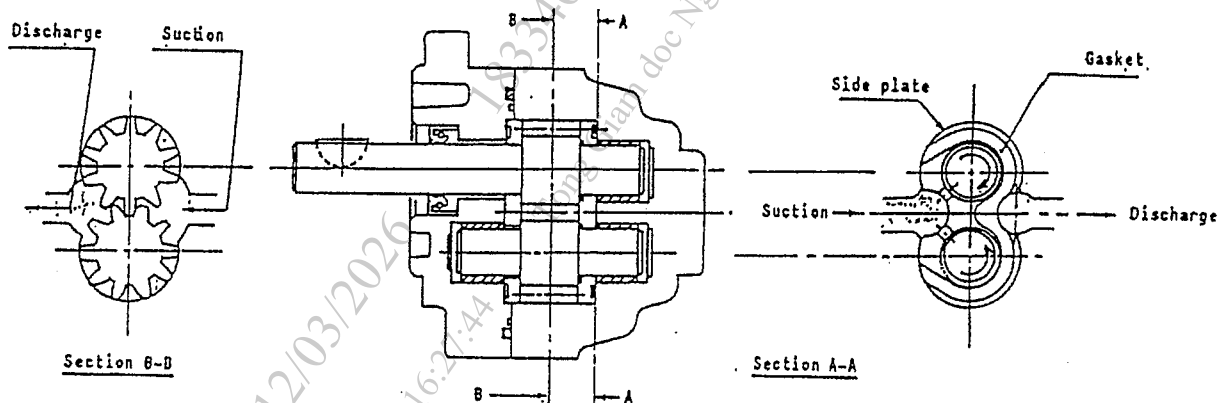
The pump casing comprises the front cover (1), (11) and body (2), (12). A pair of gears (drive gear (3), (13) and driven gear (4), (14)) are built-in into the body and each gear are supported by two dry bearings (7). The two pumps are connected with coupling (21), "O" ring (22), body-through hexagon socket head bolts and hardened washers (56).

In the side plates (5), are set the gaskets (6) as subdivision seals for providing hydraulic pressure proportional to the pressure caused in the gear side face to the side plate back (balanced pressure loading).

To prevent external leakage, the "O" ring (6) is mounted on the mating flange surface and the shaft seal (51) is mounted on the primary pump.

4.3 Structure features

(1) Balanced pressure loading method

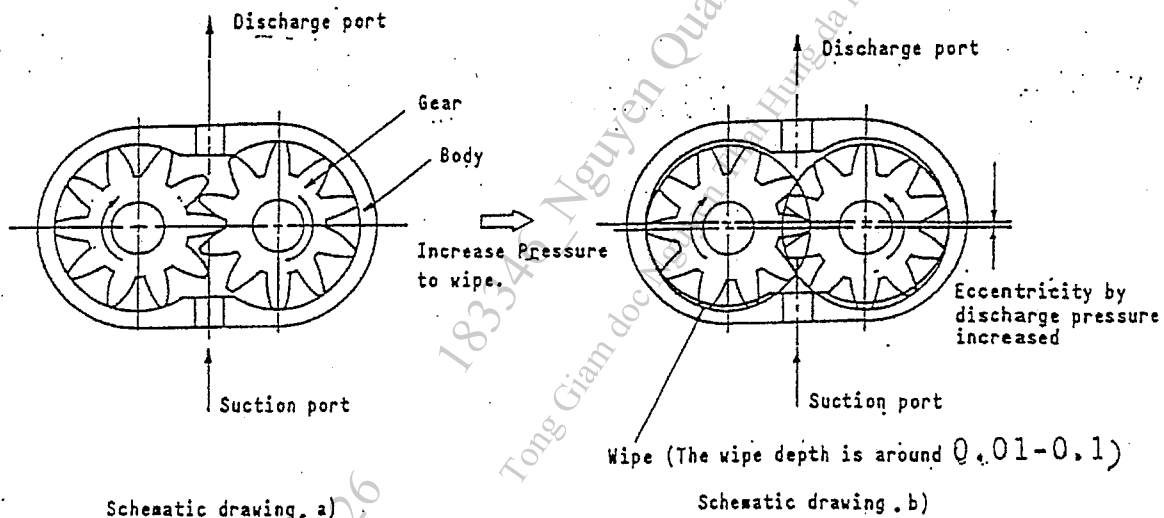


When the pump doesn't rotate or the discharge pressure is low, the side plate (5) is pressed against the gear side face via the oil film, by the rubber elasticity of the gasket (6).

When the discharge pressure increases, in the side sliding face of the side plate, the section B-B hatching area is pressed by high pressure oil, but, in the opposite face, the section A-A hatching area is pressed by high pressure, and so both sides are force-balanced and a very small side clearance is maintained.

Therefore, even under high pressure, at low speed, high temperature, high efficiency is maintained. The drain cools or lubricates the revolving parts and returns to the suction port.

(2) Tooth wipe



When the pump discharge pressure is low, the gear center is in the same position as the body hole, as illustrated in Schematic drawing a) and a tooth space determined by machined dimension occurs.

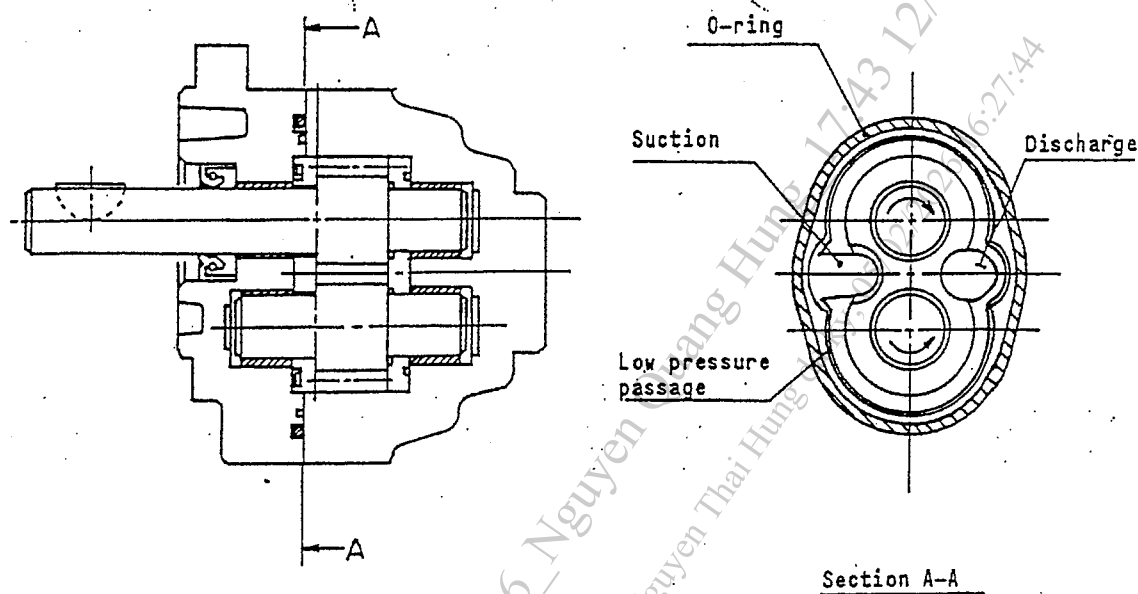
When this pump discharge pressure increases, the gear is pressed to the body low pressure side as in Schematic drawing b). At this time, as the tooth deletes aluminium surface, the tooth clearance on high pressure is greatly diminished.

This is referred to as tooth wipe. Our corporation performs running-in of entire pumps to have teeth wipes, checking the discharge volume and torque.

(3) Contamination resistance up

The side plate employs special alloys and the bearings employ special bushes containing a mixture of teflon and lead. This strengthens resistance to contamination.

(4) No oil leakage from the mating flange surface



A low pressure passage flute independent from the O ring groove is mounted to return the oil leaked from the high pressure district to the suction side. This prevents high pressure imposition to the O ring. So there is no oil leakage from the mating flange surface of the front cover and body.

5. Performance

Pump type	Displacement volume (cm ³ /rev)	Rated pressure (kgf/cm ²)	Max speed (rpm)
YP10-0.8	0.77	210	4000
YP10-1.7	1.66		
YP10-2.5	2.43		
YP10-3.0	3.07		
YP10-3.5	3.46		
YP10- 5	4.99		
YP10- 7	7.04	175	

5.1 The rated pressure and maximum speeds of revolution listed in the above table are quoted for single pumps. As for those for tandem pumps, the following should be taken into consideration; please contact us for further information.

- (1) In tandem pumps, the maximum pressure of each pump is limited owing to the input shaft strength. Choose a pump type and its pressure within the range shown below:

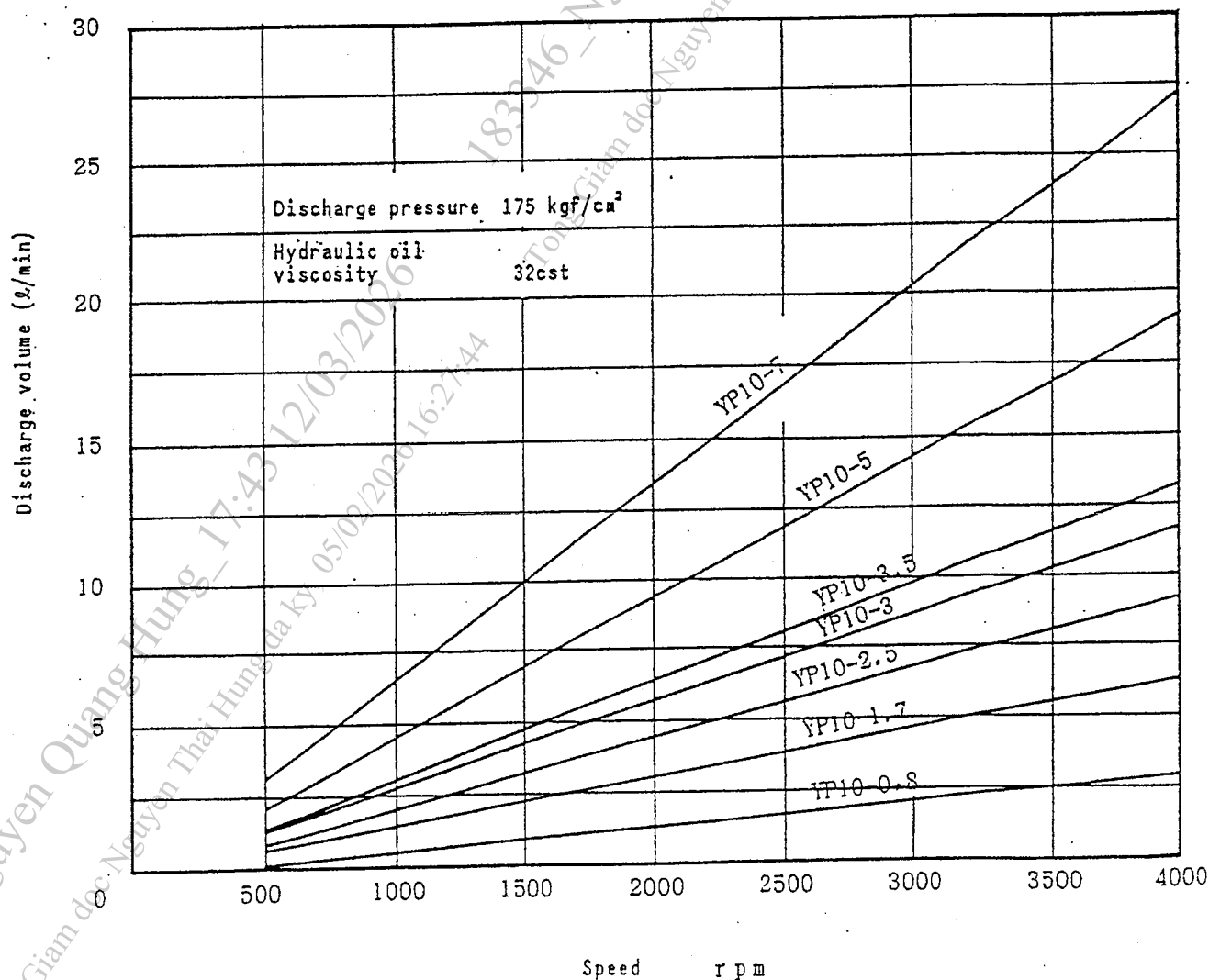
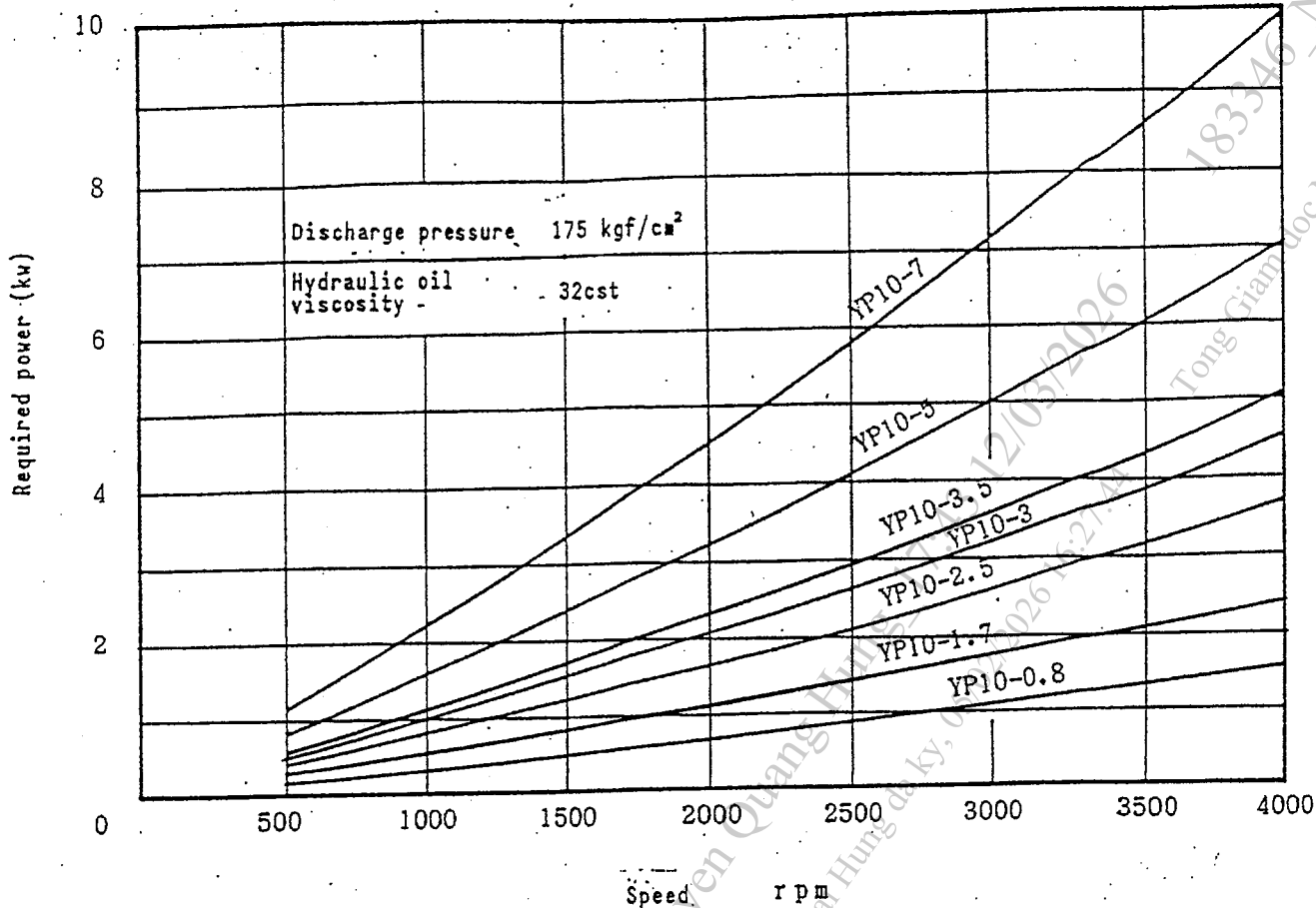
$$PV \text{ coef} = P_1 V_1 + P_2 V_2 \leq 3360$$

where P_1, P_2 : Discharge pressure of each pump (kgf/cm²);

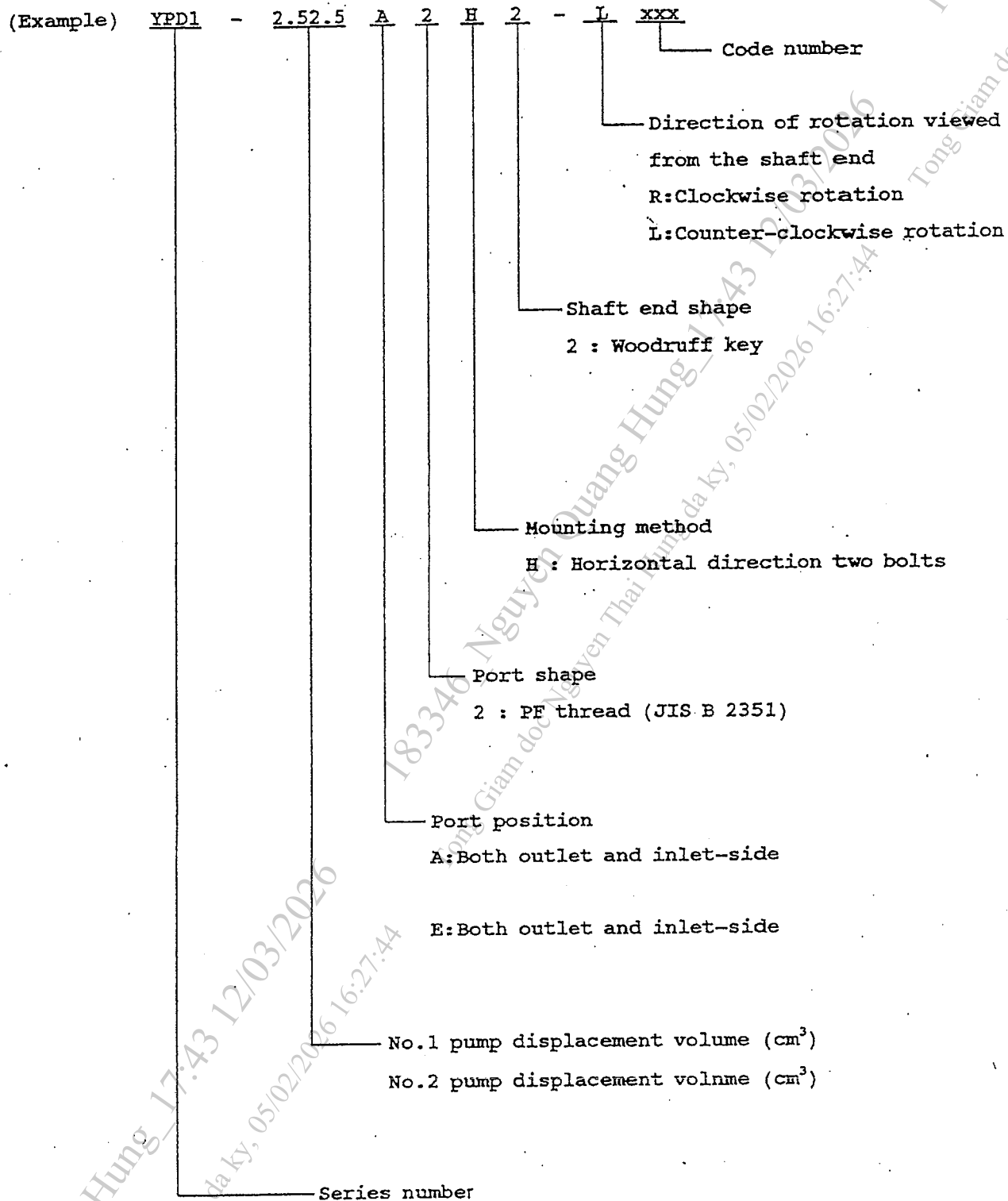
V_1, V_2 : Displacement volume of each pump (cm³/rev).

- (2) In the case of a tandem pump that has only one suction port at the primary (or secondary) pump, a high speed of revolution or a high viscosity of oil or the like may cause its suction efficiency to be reduced. When this occurs, provide one more suction port at the secondary (or primary) pump; otherwise lower the operating speed of revolution.

- (3) The following performance curves on Page 16 show the performances of single pumps.



6. Model number coding



VIETNAM CONSTRUCTION & IMPORT - EXPORT CORPORATION

(VINACONEX)

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CAM PHA CEMENT PLANT

(PARTIAL PACKAGE NO.2)

ROTARY KILN

AIR CYLINDER FOR FEED SIDE AIR SEAL

ITEM No. 141KL01

Contract No. 02/NMXMCP-LS2

DELIVERY		ORDER No.	KAWASAKI HEAVY INDUSTRIES, LTD. CEMENT PLANT ENGINEERING SECTION INDUSTRIAL PLANT ENGINEERING DEPARTMENT POWER PLANT and INDUSTRIAL PLANT ENGINEERING DIV. PROJECT MANAGER MANAGER ASSISTANT MANAGER CHECKED BY DRAWING No.
		373F3G1	
OWNER	8	NOTE	
		1. AT ASSEMBLING, REFER TO "ASSEMBLY	
		DRAWING OF FEED SIDE AIR SEAL 01, 02"	
		(DWG.No. MG2RK1530A, 1530B)	
KHI Site	1	REVISION	
Copy	1		
ISSUE		DATE	
		Mar. 30, 2006	MG2RK1550

(29 SHEETS COVER INC.)

Số và ký hiệu: 98/TT-CB
Ngày ban hành: 05/02/2026



No.	MB**-0M0001C	
-----	--------------	--

OPERATION MANUAL

TITLE : MB SERIES AIR CYLINDER
HEAT RESISTANT (MAX. 150°C)

MB*32~100-*XB6

- Read this manual thoroughly before mounting and operation.
- Especially, carefully read the description concerning safety.
- Keep this manual where accessible when necessary.

SMC CORPORATION

FORMAT No.FOM007-2

Số và ký hiệu: 98/TT-CP
Ngày ban hành: 05/02/2026

CONTENTS

Safety Instructions

Actuator Precautions

1. Standard Specifications	1
2. Operating Air	1
3. Cushion	1, 2
4. Speed Control	3
5. Direction Control	3
6. Mounting	3, 4
7. Piping	5
8. Basic Circuit with Cylinder	5
9. Maintenance	6
10. Internal Structure	7
11. Troubleshooting	8



Safety Instructions

These safety instructions are intended to prevent hazardous situation and / or equipment damage. These instructions indicate the level of potential hazard by label of “Caution”, “Warning” or “Danger”. To ensure safety, be sure to observe ISO 04414 ^{Note1)}, JISB8370 ^{Note2)} and other safety practices.



Caution: Operator error could result in injury or equipment damage.



Warning: Operator error could result in serious injury or loss of life.



Danger: In extreme conditions, there is a possible result of serious injury of life.

Note 1) ISO4414: pneumatic fluid power—Recommendations for application of equipment to transmission and control systems.

Note 2) JIS B 8370: Pneumatic system axiom.



Warning

1. The compatibility of pneumatic equipment is the responsibility of the person designs the pneumatic system or decides its specifications.

Since the products specified here are used in various operating conditions, their compatibility for the specific pneumatic system must be based on specifications or after analysis and/or testes to meet your specific requirements. Ensuring the initial performance and safety are the responsibility of the person who decides the compatibility of pneumatic system.

Pneumatic system should be constructed after full review on the details of the products other than specifications and possibilities of failures by checking the latest product information.

2. Only trained personnel should operate pneumatically operated machinery and equipment. Compressed air can be dangerous if operator is unfamiliar with it. Assembly, handling or repair of pneumatic systems should performed by trained and experienced operated.

3. Do not service machinery/equipment or attempt to remove component until safety is confirmed.

- (1) Inspection and maintenance of machinery/equipment should only be performed after confirmation of safe locked-out control positions.
- (2) When equipment is to be removed, confirm the safety process mentioned above. Cut the supply pressure for this equipment and exhaust all residual air in the system.
- (3) Before machinery/equipment is re-started, take measures to prevent shooting out of cylinder piston rod etc.

4. Contact SMC if the product is to be used in any of following conditions.

- (1) Conditions and environments beyond the given specifications, or if product is used outdoors.
- (2) Installation on equipment in conjunction with atomic energy, railway, air navigation, vehicles, medical equipment, food and beverage, recreation equipment, emergency stop circuits, press applications, or safety equipment.
- (3) An application, which has possibility of having negative effects on people, property, or animals, requiring special safety analysis.



Actuator Precautions Be sure to read before handling

Precautions on design



Warning

1. There is a possibility of dangerous sudden action by actuators if sliding parts of machinery are twisted due to external forces, etc.
In such cases, human injury may occur; by catching hands or feet in the machinery; or damage to the machinery itself may occur. Therefore, the machine should be designed to avoid such dangers and adjusted to ensure smooth operation.
2. A protective cover is recommended to minimize the risk of human injury.
If a stationary object and moving parts of a cylinder are in close proximity, human injury may occur.
3. Securely tighten all stationary parts and connected parts of cylinders so that they will not become loose.
Tight cylinder securely especially when they are used in high frequency or in locations where direct vibration or impact shock, etc. will be applied to the body of the cylinder.
4. Use deceleration circuit or shock absorber.
If stationary object travels at a high speed or is heavy, impact will not be sufficiently absorbers only with the cylinder cushion. In such cases, use a circuit to decelerate the cylinder speed before the cushion becomes effective or use external shock absorbers to reduce impact. At this time, take the strength of machinery into account.
5. Consider possible drop of pressure in circuit due to power outage.
For cylinder used in clamping mechanism, a stationary object may become loose due to less clamping force by pressure drop in circuit at the time of power outage. Install safety device to prevent human injury and machinery damage. Measures should be taken to prevent drop of hanging or lifting equipment.
6. Consider possible loss of power sources.
Measures should be taken to protect against human injury and machinery damage in the event that there is a loss of air pressure, electricity or hydraulic power.

7. Design circuit to prevent shooting out of a stationary object.

A stationary object is quickly shot out when pressure is supplied from one side of the piston after air inside the cylinder is exhausted in such cases that cylinder is actuated by exhaust center type of directional control valve or started after residual air is exhausted from the circuit. At this time, human injury may occur; e.g., by catching hands or feet in the machinery, or damage to the machinery it self may occur. Therefore, the machine should be designed and constructed to prevent shooting out.

8. Consider emergency stops.

Design the machinery so that human injury and/ or machinery and equipment will not be caused when machinery is stopped by a safety devise under abnormal conditions, a power outage or a manual emergency stop.

9. Consider the action when operation is restarted after an emergency stop or abnormal stop.

Design the machinery so that human injury or equipment damage will not occur upon restart of operation. When the cylinder is required to return to the initial position, provide the equipment with safe override.

Selection



Warning

1. Confirm the specifications.

The product in this operation manual is designed to be used only in industrial compressed air system. The product should not be used at pressures or temperatures outside the range of specifications, as this may cause damage or malfunction, etc. (Refer to specifications). Consult SMC for operating fluids other than compressed air.

2. Intermediate stop.

When cylinder piston is stopped intermediately by 3 position closed center type of directional control valve, intermediate stop positions may not be as precise and exact as hydraulic operation due to compressibility of air. Vales and cylinders are not guaranteed for zero air leakage, and stop position may not be held in a long period of time. Consult SMC for long term holding of stop positions.

Caution

1. Use the product within its allowable stroke range.

The product should not be used at stroke outside the range of specifications as this may break piston rod. Refer to the model selection procedures of air cylinder for the allowable maximum stroke.

2. Use the product within the range not to break the piston due to impact at stroke end.

If piston having inertia force is stopped by collision to the cover at stroke end, use the product within the range not to make the piston broken. Refer to the cylinder model selection procedures for the allowable range.

3. Mount speed controller and adjust cylinder operation speed gradually from low speed to a desired speed.

4. Provide intermediate support for cylinder with long stroke.

Provide intermediate support to avoid rod damage due to rod or tube deflection, vibration and external load applied.

Lubrication

Caution

1. Lubrication of non—lube type cylinders.

This cylinder is pre—lubricated with special grease and can be used without lubrication. Do not use turbine oil or other lubricating oils.

Air Supply

Warning

1. Use clean air.

Do not use the product with compressed air includes chemicals, synthetic materials (including organic solvents), salinity, corrosive gas, etc, as this may cause damage or malfunction.

Caution

1. Install air filter.

Install air filter before and in vicinity of valve. The filter should be able to collect particles of 5 microns or smaller.

2. Install after cooler, air dryer, auto drain, etc.

Compressed air that includes excessive condensate may cause malfunction of valve and other pneumatic equipment. To prevent this, after cooler, air dryer, auto drain, etc.

3. Do not use the product outside the specification range of fluid and ambient temperature.

Measures should be taken to prevent packing damage and malfunction due to frozen moisture inside the circuit at temperatures below 5°C.

Refer to SMC "Compressed Air Cleaning System" for the details of compressed air quality shown above.

Operating Environment

Warning

1. Do not use in environments where is a danger of corrosion.

Refer to each structural drawing for cylinder materials.

2. Provide a cover over the whole product when it is used in dusty locations or where water and oil splash on the equipment.

3. Do not use in environments where is a strong magnetic field when auto switch is used, as this may cause malfunction of auto switch.

Maintenance

Warning

1. Maintenance should be done in accordance with the procedure indicated in the operation manual.

If handled improperly, malfunction and damage of machinery or equipment may occur.

2. Removal of equipment and supply / exhaust of compressed air.

When equipment is to be removed, first confirm that measures are in to prevent dropping or runaway of driven objects, then shut off the air power supplies and finally exhaust compressed air inside the system before removal. At restart, confirm that the safety measures are taken and proceed with caution.



Caution

1. Drain

Remove condensate from the filter bowl on a regular basis.

1. Standard Specifications

Maximum operating pressure	: 1.0 MPa
Proof pressure	: 1.5 MPa
Ambient and fluid temperature	: -10°C to +150°C
Cushion	: Both sides
Actuation	: Double acting

2. Operating Air

- 2-1. Air should be filtered and regulated to a desired pressure by SMC Air Filter (Series AF) and Regulator (Series AR) respectively before it is supplied to cylinders.
- 2-2. No lubrication is required.

3. Cushion

Caution

- 3-1. Cushions are pre-adjusted to work properly at shipment of cylinders. Readjust cushion valve mounted to the cover according to the operation load and speed.
- 3-2. Turn cushion valve clockwise for stronger cushion effect by less throttle and counter-clockwise for weaker cushion effect by more throttle.
- 3-3. Do not close the orifice of cushion valve completely as this may cause problems as bounce at stroke end, incomplete stroke and cushion seal damage due to excessive pressure applied.

Caution

- 3-4. Check that the screw of cushion valve is screwed in. Though snap ring is mounted, valve may jump out if screw is not engaged.

⚠ **Caution**

3-5. When the orifice of cushion valve is fully open, the condition will be the same as cylinders without cushion and impact will be considerably strong.
In such cases with the cylinder mounted as figure 1, adjust a speed (V) to load (W) to have a value below the one in table 1.

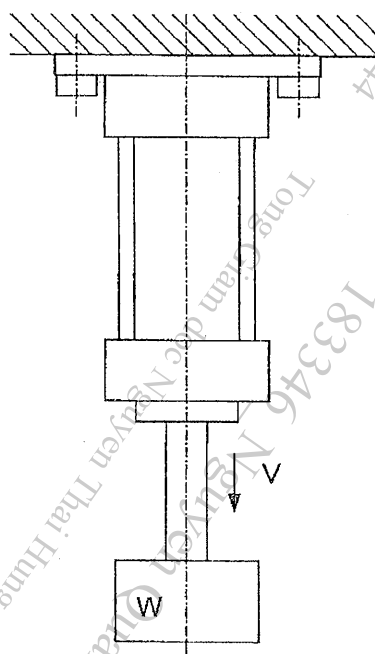


Figure 1

Table 1

Load (W)	Speed (V mm/ s)
80% of theoretical output with pressure of 1.0 MPa	130
40% of theoretical output with pressure of 1.0 MPa	190
15% of theoretical output with pressure of 1.0 MPa	300

4. Speed Control

- 4-1. Adjust cylinder to a desired speed by mounting SMC speed controller (Series AS) in vicinity of air supply port.
- 4-2. Speed controllers are used to adjust speed and available in two types: meter-in type which adjusts speed by throttling air supplied to cylinder and meter-out type which regulates air exhausted from cylinder. Cylinder operation may become unstable with meter-in type. Therefore, meter-out type is used for double acting cylinders in general.

! Warning

- 4-3. Use cylinder within the speed range of 50 mm/ s to 1000 mm/ s. Do not use at speeds outside of the specification range, as this may break the cylinder as well as prevent smooth operation. Consult SMC for operating speeds beyond 1000 mm/ s.

5. Direction Control

To switch the cylinder operating direction, use a suitable SMC solenoid valve.

6. Mounting

- 6-1. Mount cylinder in such a way that lateral load applied to bearing is 1/20 or less of the maximum cylinder output (refer to figure 2 and table 2).

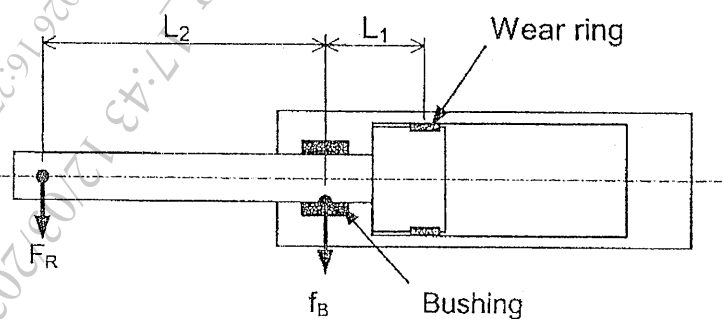


Figure 2. Eccentric load to piston rod

Table 2. Eccentric load to piston rod (kg)

	L_1	L_2	f_B 1/20 of max. thrust
MB32	50.5	35.5 + stroke	8 kg
MB40	49	37 + stroke	12.6 kg
MB50	54	42 + stroke	19.6 kg
MB63	54	42 + stroke	31.2 kg
 MB80	69	49 + stroke	50.3 kg
MB100	68	50.5 + stroke	78.5 kg

Remark : $f_R \leq \frac{L_1}{L_1 + L_2} \cdot f_B = \frac{1}{1 + \frac{L_2}{L_1}}$

6-2. For foot type cylinders, foot is equipped with pin holes that ensure correct positioning and fixation.

Warning

6-3. Connect in such a way that rod axis and load moving direction are always aligned. If not aligned, rod and tube are twisted, causing wear and breakage of inner tube, bushing and rod surfaces as well as seals.

6-4. When external guide is used, connect rod end and load in such a way that no twist occurs at any stroke position.

Caution

6-5. Do not dent or scratch cylinder tube and piston rod sliding part by dropping objects or biting. Inner diameter of cylinder is manufactured with tight tolerances and a little deformation may cause malfunction. Also, scratch and dent on the piston rod sliding part cause damage to piston seal, resulting in air leakage.

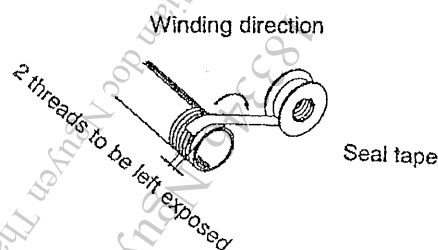
6-6. Apply grease to rotating parts (such as pins) to prevent seizure of these parts.

6-7. Do not use until proper operation of the equipment is confirmed. After mounting, repair or modification, connect compressed air and power sources to perform proper functional and leak inspections for making sure correct mounting.

7. Piping

! Caution

- 7-1. Dust and scale in piping can be removed by filter if they exist before the filter. Dust and scale after the filter are, however, not removed and enter inside the solenoid valve and cylinder, causing malfunction or short life. Flush piping before connection.
- 7-2. At mounting cylinder at site with available parts, give ample care to prevent dust and contaminants in atmosphere from entering ports.
- 7-3. When installing piping or fitting into a port, ensure that sealant material and cutting chips of threads do not enter the inside port. When using seal tape, leave the first 1.5 to 2 threads exposed at the end of piping/ fitting.



8. Basic Circuit with Cylinder

Figure 3 shows the basic circuit with cylinder operated by using air filter, regulator, solenoid valve and speed controllers.

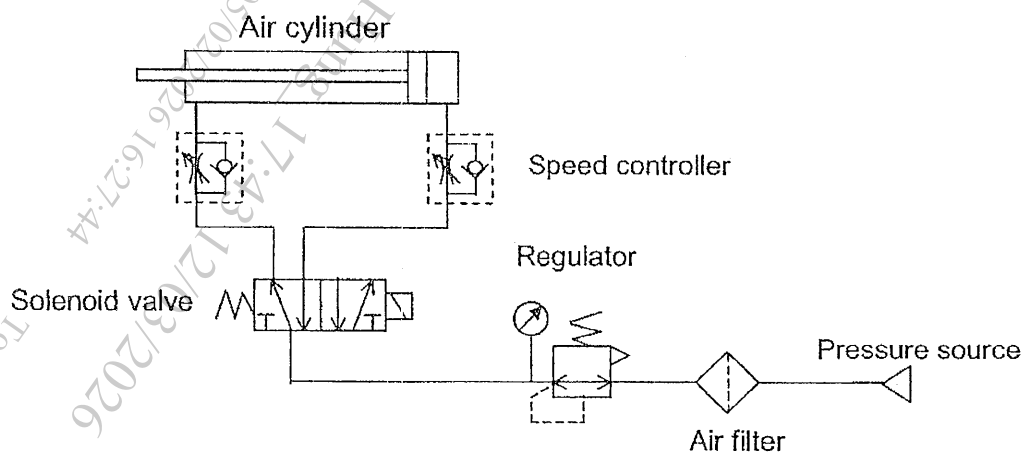


Figure 3. Basic circuit with cylinder

9. Maintenance

9-1. XB6 cylinder uses special grease and seals that are applicable to the operation in temperatures over the standard specification. However, when the cylinder is used at severe ambient temperatures of around +150°C, lubrication runs out earlier compared with the operation at ordinary temperatures. Therefore, additional grease application at an appropriate time is recommended.

At the same time, do not apply turbine oil or motor oil instead of grease, since it may lead to abnormal wearing of seals and malfunction due to the loss of the original lubricant.

9-2. If cylinder has a malfunction due to air leakage or dent, refer to figure 4 and table 4 for replacement of failed parts.

9-3. Disassembly can be performed easily by loosening tie rod nuts. For remounting, check contaminants adhesion thoroughly, apply grease to sliding parts such as tube, piston, piston rod, bushing and seals, and then reassemble without giving damage to seals. Tighten four tie rods in such a way that tension spreads evenly. At tightening, refer to table 3 for appropriate tightening torque.

Table 3: Tie rod nut appropriate tightening torque

Cylinder bore size	Appropriate tightening torque N·m (kgf·cm)
32	5.0 (50)
40	
50	11.0 (110)
63	
80	25.0 (250)
100	

10. Internal Structure

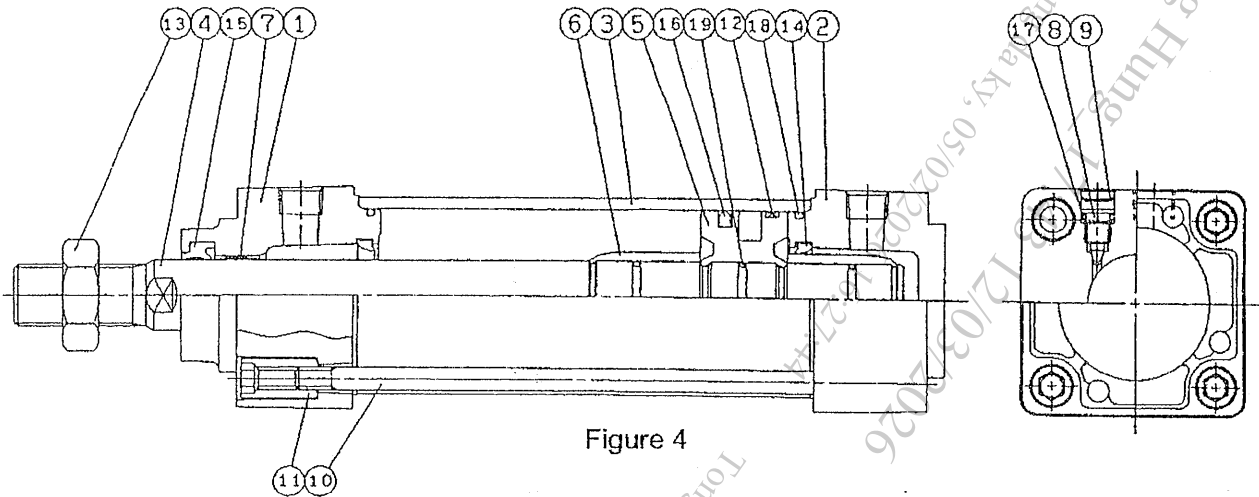


Figure 4

Table 4: Component Parts

No.	Description	Material	Qty	Note
1	Rod cover	Aluminum die cast	1	Metallic painted
2	Head cover	Aluminum die cast	1	Metallic painted
3	Cylinder tube	Aluminum alloy	1	Hard anodized
4	Piston rod	Carbon steel	1	Hard chrome plated
5	Piston	Aluminum alloy	1	Chromated
6	Cushion ring	Brass	2	
7	Bushing	Lead-bronze cast	1	
8	Cushion valve	Steel wire	2	Nickel plated
9	Snap ring	Spring steel	2	$\phi 40$ to $\phi 100$
10	Tie rod	Carbon steel	4	Uni-chromated
11	Tie rod nut	Carbon steel	8	Nickel plated
12	Wear ring	Resin	1	
13	Rod end nut	Carbon steel	1	Nickel plated
14	Cushion seal	Fluoro rubber	2	
15	Rod seal	Fluoro rubber	1	
16	Piston seal	Fluoro rubber	1	
17	Cushion valve seal	Fluoro rubber	2	
18	Cylinder tube gasket	Fluoro rubber	2	
19	Piston gasket	Fluoro rubber	3	

Table 5: Seal Kit

No.	Description	Material	Kit No.					
			32	40	50	63	80	100
14	Cushion seal	Fluoro rubber	MC-16F	MC-20F	MC-25F		MC-30F	MC-35F
15	Rod seal		DRP-12LF	DRP-16F	DRP-20F		DRP-25F	DRP-30F
16	Piston seal		NLP-32AF	NLP-40AF	NLP-50AF	NLP-63AF	NLP-80AF	NLP-100AF
18	Cylinder tube gasket		MB-32-16AC7996	MB-40-16AC7997	MB-50-16AC7998	MB-63-16AC7999	MB-80-16AC8000	MB-A0-16AC8001

11. Troubleshooting

Failure	Cause	Countermeasure
Piston rod does not move smoothly.	Centers are not aligned for mounting.	Align and adjust for mounting, and change brackets.
	Lateral load is applied.	- Mount proper guide. - Modify mounting conditions and/ or change brackets.
	Operating below the lower speed limit	Eliminate causes of load fluctuation.
	Load factor is too high.	- Raise pressure. - Use larger cylinder.
	Speed controller is meter-in control.	Change to meter-out control.
	Cushion valve is over-tightened or fully closed.	Readjust cushion valve.
Damage and/ or deformation	Impact applied due to high speed operation	- Adjust cushion. - Reduce the speed. - Reduce the load. - Mount external shock absorber.
	Lateral load is applied.	- Mount proper guide. - Modify mounting conditions.



DOCUMENT No.AS* --OMA0069 -A

OPERATION MANUAL

PRODUCT NAME : SPEED CONTROLLER

MODEL : AS1000

AS2000

AS3000

AS4000

AS5000

- READ THIS OPERATION MANUAL CAREFULLY BEFORE USE IT.
- NEVER INSTALL THE PRODUCT UNTIL FINISH READING THIS MANUAL.
- KEEP THIS MANUAL ALL THE TIME FOR YOUR REFERENCE.

SMC CORPORATION

CONTENTS

PAGE

1.	Instructions for Your Safety	2~5
2.	Application	5
3.	Specifications	5
4.	Malfunctions and Countermeasures	5
5.	Construction	6~8

Contact Address: **SMC CORPORATION**

16-4, 1-Chome, Shimbashi, Minato-ku, Tokyo, 105 Japan

Tel: 03-3502-8271



1. Safety Instructions

These safety instructions are intended to prevent a hazardous situation and/or equipment damage. These instructions indicate the level of potential hazard by label of “**Caution**”, “**Warning**”, or “**Danger**”. To ensure safety, be sure to observe ISO 4414^(Note 1), JIS B 8370^{Note 2)} and other safety practices.



Caution : Operator error could result in injury or equipment damage.



Warning: Operator error could result in serious injury or loss of life.



Danger : In extreme conditions, there is a possible result of serious injury or loss of life.

(Note-1) ISO 4414: Pneumatic fluid power-Recommendations for the application of equipment to transmission and control systems.

(Note-2) JIS B 8370: Pneumatic systems axiom.



WARNING

① **The compatibility of pneumatic equipment is the responsibility of the person who designs the pneumatic system or decides its specifications.**

Since the products specified here are used in various operating conditions, their compatibility for the specific pneumatic system must be based on specifications or after analyses and/or tests to meet your specific requirements.

② **Only trained personnel should operate pneumatically operated machinery and equipment.**

Compressed air can be dangerous if an operator is unfamiliar with it. Assembly, handling or repair of pneumatic systems should be performed by trained and experienced operators.

③ **Do not service machinery/equipment or attempt to remove component until safety is confirmed.**

a. Inspection and maintenance of machinery/equipment should only be performed after confirmation of safe locked-out control positions.

b. When equipment is to be removed, confirm the safety process as mentioned above.

Cut the supply pressure for this equipment and exhaust all residual compressed air in the

system.

- c. Before machinery/equipment is re-started, take measures to prevent shooting out of cylinder piston rod etc.

④ **Contact SMC if the product is to be used in any of the following conditions:**

- a. Conditions and environments beyond the given specifications, or if product is used outdoors.
- b. Installation on equipment in conjunction with atomic energy, railway, air navigation, vehicles, medical equipment, food and beverage, recreation equipment, emergency stop circuits, press applications, or safety equipment.
- c. An application which has the possibility of having negative effects on people, property, or animals, requiring special safety analysis.



WARNING

AIR SUPPLY

① Operating fluid

Contact SMC Pneumatics when using the product in applications other than compressed air.
Confirm operating fluid when using the product for general fluid.

② Install an air dryer and a drain catch

Air that includes excessive drain may cause malfunction of a compressor, so that install an air dryer and a drain catch before a filter to prevent this.

③ Drain

If drain in the air filter is not emptied on a regular basis, the drain will overflow and enter the compressed air lines. If the drain in the air filter is difficult to check and remove, it is recommended that a filter with the auto-drain option is installed.

Refer to "Compressed Air Cleaning System" for details on compressed air quality.

④ Use clean air

If the compressed air includes chemicals, synthetic materials (including organic solvents), salinity, corrosive gas, etc., it may lead to damage or malfunction.

ENVIRONMENT

- ① Do not use in environment where the product is directly exposed to corrosive gases, chemicals, salt water, water or steam.
- ② Shade the products from direct sunlight.
- ③ Do not install the product in a location where it is subject to strong vibrations and/or shock.
- ④ Do not install the product in a location where it is exposed to radiant heat.

PIPING

① Do not enter contaminant

Thoroughly flush piping to prevent entering chips, sealant, cutting oil, and dust resulting in malfunction. When valves and fittings are installed, care should be taken to prevent entering sealant and chips into the product. In addition, when wrapping seal tape, please leave 1.5 ~ 2 threads uncovered on the pipe end.

SELECTION

① Products mentioned in this catalog are not designed for the use as a stop valve with zero air leakage.

Products' specification allows small amount of air leakage.

MOUNTING - ADJUSTMENT

① Adjust the number of rotations of the needle valve within the limited range.

The retainer is attached to products mentioned here, so that the needle does not rotate more than the specified torque range. Over rotation will cause damage, so that check the number of rotations for each product.

② Check flow direction for mounting

If the product is mounted reverse direction, the needle for adjusting speed is not worked and the actuator may shoot out unexpectedly.

③ Adjust speed by opening the needle slowly after having closed it completely.

The needle valve loosened may cause unexpected sudden actuator extension. When the needle valve is turned clockwise, it is closed and cylinder speed increase. When needle valve is turned counterclockwise, it is open and cylinder speed increases.

④ Check that the lock nut is tightened.

The lock nut loosened may cause actuator speed change.

⑤ When the air leaks much enough to make sounds, or when the equipment does not operate normally, stop using it right away.

Confirm whether it is mounted correctly by appropriate function test and leak test in accordance with the operation manual.

⑥ Make sure periodically that piping is not loosened and that there is no air leakage.

Actuators do not operate normally, if piping is loosened and air leaks.

⑦ Check regularly whether the product does not have any external damage.

Actuators may not operate normally, if they are damaged externally.

MAINTENANCE

① Follow the maintenance procedures described in the operation manual.

If handling is wrong, it will cause malfunction and damage of machine or equipment.

② Maintenance

Since improper handling of compressed air is dangerous, keep the product specifications and replacement of element and other maintenance should be performed by qualified personnel only.

③ Drain

Remove drain from the air filter regularly.

④ Shut-off before maintenance

Before attempting any kind of maintenance, cut off the power and make sure the supply pressure is shut off and all residual air pressure is released from the system to work on.

⑤ Start-up after maintenance

After mounting, repair, and modification, apply operating pressure and power to the equipment and perform proper operation test and air leak test. If air leaks making sounds and operation is improper, do not use the equipment and check whether it is mounted correctly.

⑥ Prohibition on disassembling and modification

Do not disassemble nor modify the product.

2. APPLICATION

This equipment is for a use to control the speed of the actuator.

3. SPECIFICATIONS

Proof pressure	[A] 1.5 MPa (1.05MPa)
Max.operating pressure	[A] 1 MPa (0.7MPa)
Min.operating pressure	[A] 0.05 MPa (0.1MPa)
Ambient and fluid temperature	[A] -5~60°C [-L: -30~60°C, -H: -5~80°C] {No freezing} ※
Note) Number of needle rotations	8 turns(1 0 turns)

Note 1. The value in () is for AS1000.

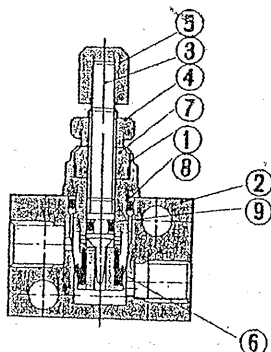
Note 2.The value in [] ※ is for low temperature (the end -L) and high temperature (the end -H) specifications of AS3000, AS4000 and AS5000.

4. Malfunction and Countermeasures

Contents of failures	Causes	Countermeasures
Speed adjusting	The direction of check valve is reverse.	Confirm which control is used meter-out or meter-in in accordance with operating conditions.
	There are some dust inside.	Fully open a needle and air blow from the free flow side.
	Rubber lining of valve is broken.	Change valve.
	Valve spring is broken.	Change spring.

5. CONSTRUCTION

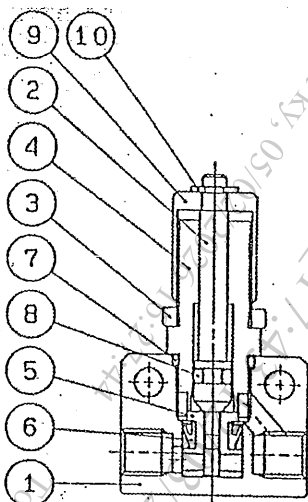
AS1000-M3



Parts list

No.	Description	Material	Note
①	Body B	Brass	Electroless nickel plating
②	Body	Brass	Electroless nickel plating
③	Needle	Brass	Electroless nickel plating
④	Lock nut	Brass	Electroless nickel plating
⑤	Handle	Brass	Electroless nickel plating
⑥	U packing	H N B R	
⑦	Needle guide	Brass	Electroless nickel plating
⑧	O ring	NBR	4.5×3×0.75
⑨	O ring	NBR	2.2×0.8×0.7

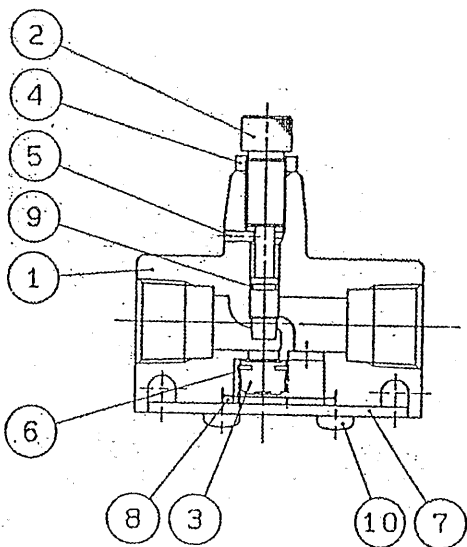
AS10000-M5



Parts list

No.	Description	Material	Note
①	Body	Zinc alloy	
②	Needle	Stainless	
③	Lock nut	Brass	Electroless nickel plating
④	Needle guide	Brass	
⑤	Valve seat	Brass	1429138
⑥	U packing	H N B R	142964 - 3
⑦	O ring	NBR	φ 9×φ 7×φ 1
⑧	O ring	NBR	122911
⑨	Handle	Brass	Electroless nickel plating
⑩	E type snap ring	SK	BE-20

AS2000 • 3000



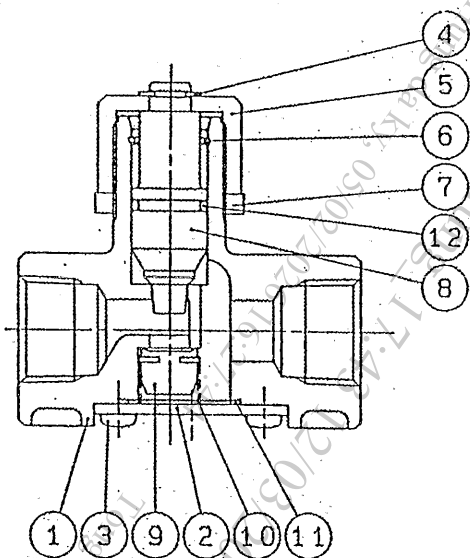
Parts list

No.	Description	Model	
		AS2000	AS3000
①	Body	Zinc alloy	Aluminum alloy
②	※Needle	Stainless	Brass ※1
③	Valve	143022	14383 ※2
④	※Lock nut	Stainless	Carbon steel※1
⑤	Pin	Stainless	Stainless
⑥	Spring	13023	14282
⑦	Cap	SPCC	SPCC
⑧	O ring	143021	14284 ※2
⑨	O ring	6×4×1	6×4×1※2
⑩	Cross recessed head machine screw	M4×0.7×8	M4×0.7×8 Nickel plating

※ 1 Electroless nickel plating

※ Rubber material is changed to CR for low temperature specification, and FPM for high temperature specification from NBR.

AS4000

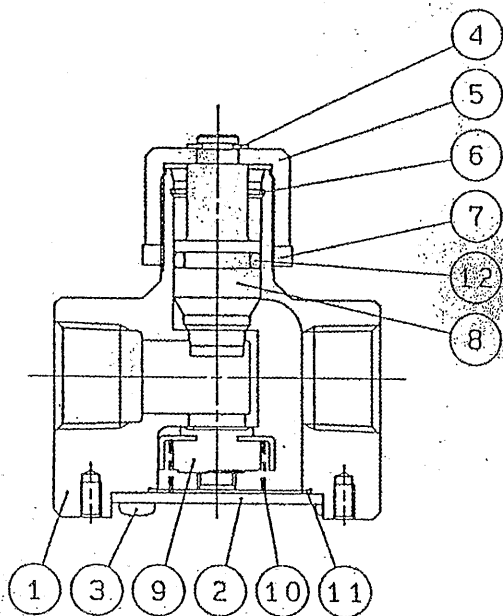


Parts list

No.	Description	Material	Note.
①	Body	Aluminum Alloy	Chromate treatment
②	Cap	Rolled steel	Ziinc chromate
③	Cross recessed head machine screw	Steel wire	M4×0.7×8 Nickel plating
④	E type snap ring	Stainless	JISB2805 nominal 6
⑤	Handle	Zinc alloy	
⑥	Ring	Carbon steel	Zinc choromate
⑦	Lock nut	Zinc alloy	
⑧	Needle	Aluminum alloy	
⑨	Valve	NBR※	143145
⑩	Spring	Stainless	143146
⑪	O ring	NBR※	143147
⑫	O ring	NBR※	143112

Note) ※ indicates CR for low temperature and FPM for high temperature.

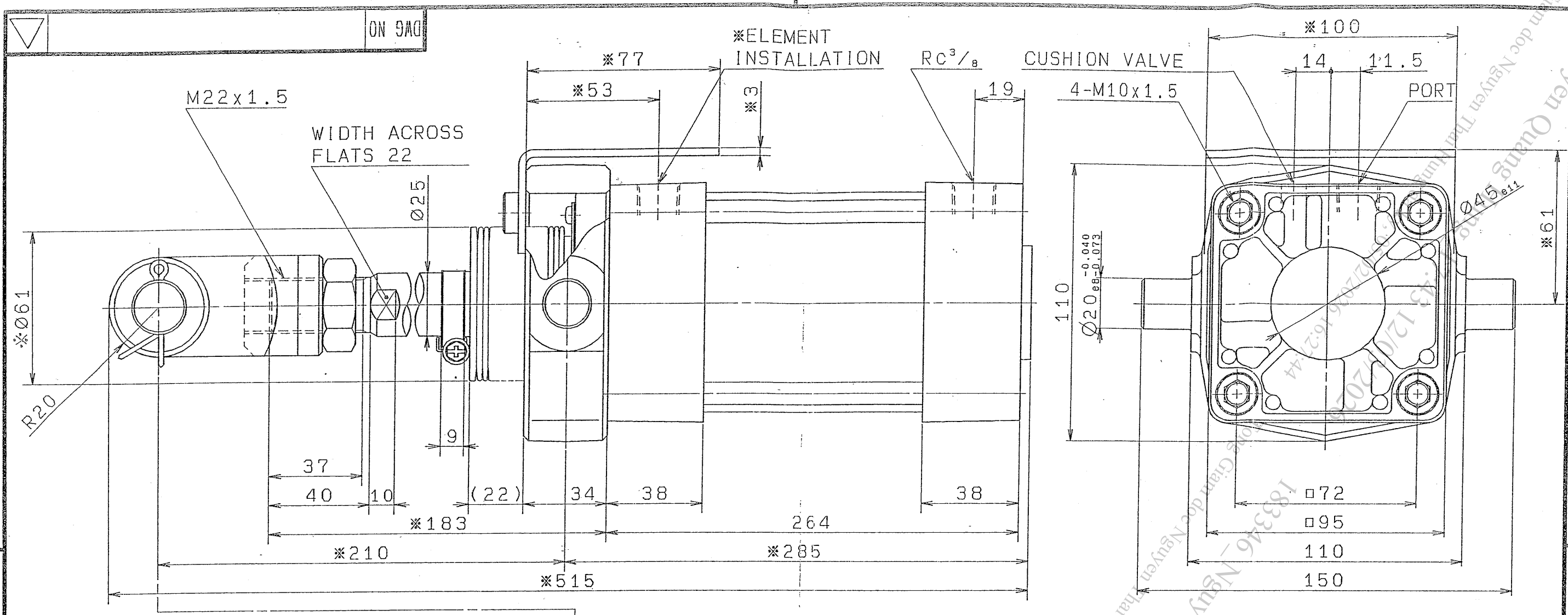
AS5000



Parts list

No.	Description	Material	Note
①	Body	Aluminum alloy	Chromate treatment
②	Cap	Rolled steel	Nickel plating
③	Cross recessed head machine screw	Steel wire	M4×0.7×8 Nickel plating
④	E type snap ring	Stainless	JISB2805 Nominal 6
⑤	Handle	Zinc alloy	Chromate treatment
⑥	Ring	Stainless	
⑦	Lock nut	Zinc alloy	Chromate treatment
⑧	Needle	Aluminum alloy	Chromate treatment
⑨	Valve	NBR ※	14143
⑩	Spring	Stainless steel	14144
⑪	Packing	NBR ※	14147
⑫	O ring	NBR ※	JISB2401P12

Note) ※ indicates CR for low temperature and FPM for high temperature.

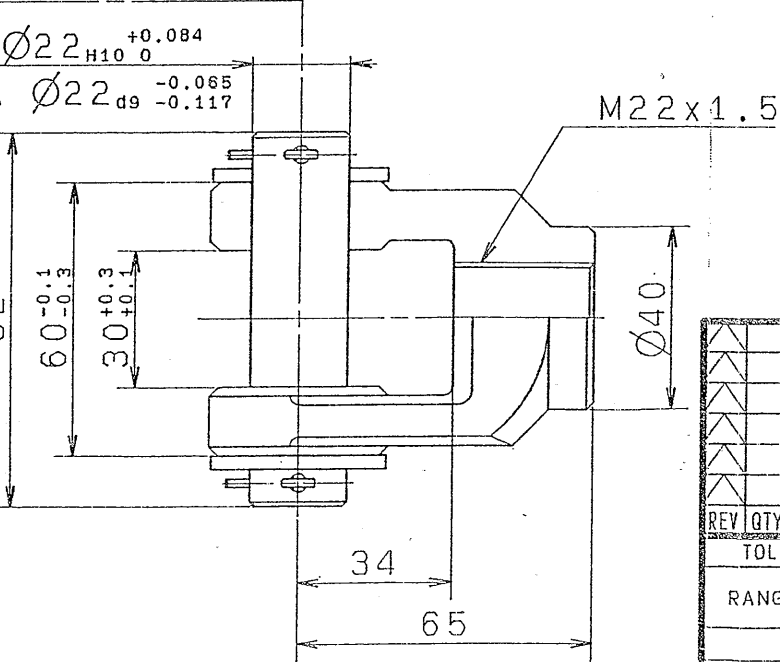


Cam Pha Cement Project
JPBNo : 373F3G1
ORDER No : P5AA6D20
ITEM No : 141KL01
QUANTITY : 8sets
MG2RK1550 - ①

- NOTE 1) TRUNNION AT ROD COVER.
2) MATERIAL OF ROD BOOT : HEAT RESISTANT TARPAULIN.
3) MAX.AMBIENT TEMPERATURE FOR ROD BOOT ITSELF 110°C.
4) SAME AS SMC STANDARD SPECIFICATIONS EXCEPT THE PARTS MARKED *.

SPECIFICATION		
CYLINDER BORE DIA.	80	mm
CYLINDER STROKE	150	mm
STROKE TOLERANCE	+1.0 0	mm
CUSHION	AT BOTH ENDS	
MOUNTING	TRUNNION AT ROD COVER	
MAX.OPERATING PRESS.	1.0MPa	
TEST PRESS.	1.5MPa	
OPERATING TEMP.	-10~150℃	
CYLINDER ACCESSORY	NT-08	

FINISH: 表面处理 / PAINT: 涂装 / PACKING: 包装区分
MATERIAL: 材質 / MATERIAL SIZE: 材料寸法



REV	QTY	DESCRIPTION	DATE	PREPARED	REV NO	SCALE	FINISH	PAINT	PACKING	MATERIAL	MATERIAL SIZE	MODEL	QTY
TOLERANCES JIS B0405						DRAWN		SCALE		DRAWING NAME		REVISION	
GRADE						DATE		Free:		PNEUMATIC CYLINDER			
RANGE (mm)						DESIGNED		DRAWING NO		DRAWING NAME			
D ≤ 3						DATE		4-24-103		C) MBT80-Y4357-150			
3 < D ≤ 6						CHECKED							
6 < D ≤ 30						DATE							
30 < D ≤ 120						APPROVED							
120 < D ≤ 315						DATE							
315 < D ≤ 1000						DATE							
1000 < D ≤ 2000													

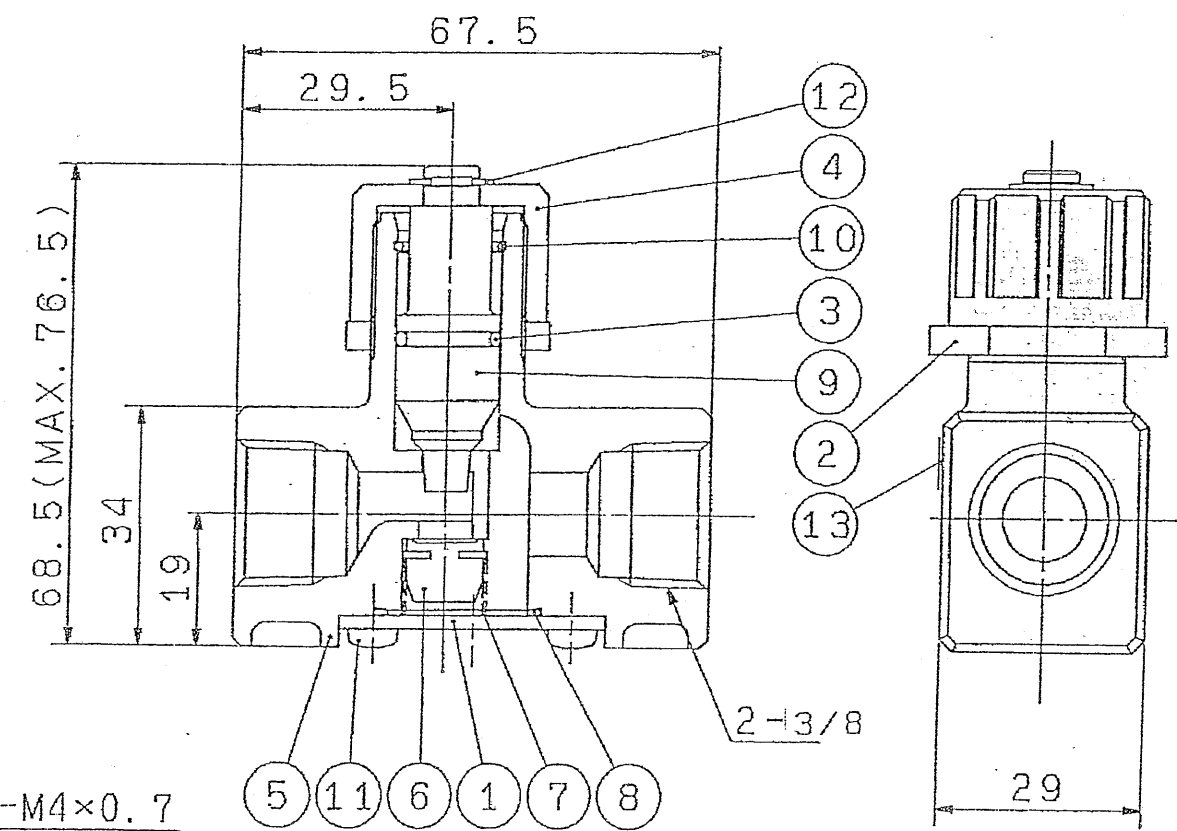
SMC CORPORATION

A3

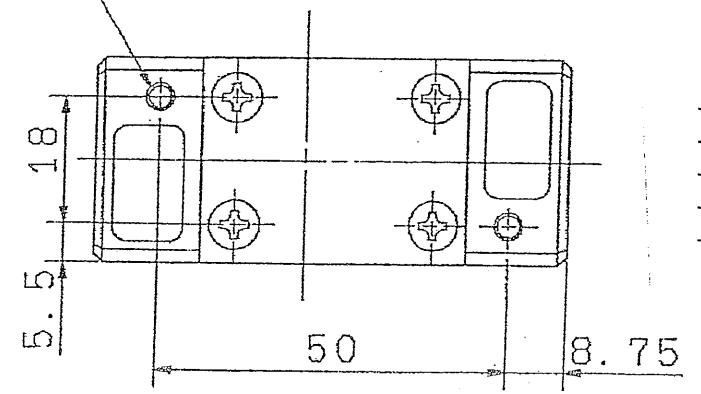
AS4000-03-H

DIFFERENCE FROM THE AS4000-02~04 REGARDING SPECIFICATION. ASSEMBLY AND INSPECTION.

- 1. ☆ MARKED PARTS OUT OF THE PARTS TABLE IS DIFFERENT.
- 2. HIGH TEMPERATURE TYPE.



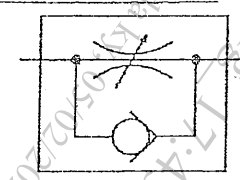
2-M4x0.7
Effective length
of thread:6



Cam Pha Cement Project
JPBNo : 373F3G1
ORDER No : P5AA6D20
ITEM No : 141KL01
QUANTITY : 8set
MG2RK1550 - ②

SPECIFICATIONS

PROOF PRESS.	1.5 MPa
WORKING PRESS. RENG	0.05~1 MPa
AMBIENT TEMP. AND WORKING FLUID TEMP.	-5~80℃ (NO FREEZING)
WORKING FLUID	AIR



JIS SYMBOL

☆ 13	1131232-2	NAME PLATE	POLYESTER	1	Ⓜ
12	FE00010	RETAINING RING	STAINLESS STEEL	1	ETW-6
11	AA00241	SCREW	STEEL WIRE	4	M4x8 Ni PLATED
10	143172	RING	STEEL	1	
9	143148	NEEDLE	ALUMINIUM BAR	1	
☆ 8	143147-2	"O"RING	FPM	1	
7	143146	SPRING	STAINLESS STEEL	1	
☆ 6	143145-2	VALVE	FPM-BRASS BAR	1	
5	143143P-02G-04G	-F02~F04	BODY	ADC	1
	143143P-02N~04N	-N02~N04			
	143143P-02~04	-02~04			
4	143140P	HANDLE	ZDC	1	
☆ 3	143112-2	"O"RING	FPM	1	
2	14317	LOCK NUT	ZDC	1	
1	14312P	CAP	STEEL PLATE	1	
ITEM	PART NO.	PART NAME	MATERIAL	QTY	REMARKS

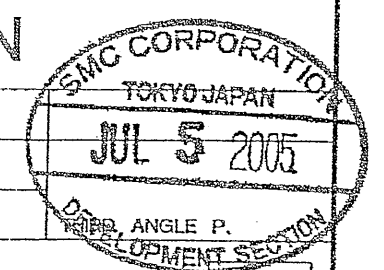
TITLE SPEED CONTROLLER

SMC CORPORATION

DRAWN BY	
DATE	
DESIGN'D BY	M. KATAGIRI
DATE	DEC. 4. '00
CHECK'D BY	S. Shichinohe
DATE	Dec. 7. '00
APPR'D BY	A. Yamashiro
DATE	Dec. 17. '00

SCALE 1/1

DWG. NO. (A) AS4000-03-H



REV. 7

K33 AS1